

LƯƠNG HIỀN

DANH THẮNG CHÙA ĐỘI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LUONG HIEN
Sưu tầm và biên soạn

DANH THẮNG
CHÙA ĐỘI

(MANG ĐỘI SƠN TỰ)

ĐC 380

TỈNH MIỀN
TỈNH HÀ NAM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

Hà Nam, mảnh đất đồng chiêm trũng, cái rốn nước giữa đồng bằng Bắc bộ, có một nền Văn hiến đồng chiêm rất đáng tự hào. Mảnh đất này, có những di tích và hiện vật lịch sử nổi tiếng như: Sông Châu - Núi Đọi; Núi Nguyệt - Sông Ninh; trống đồng Ngọc Lũ; nơi có nhiều mộ thuyền cổ nhất nước, có cuốn sách đồng độc đáo và dấu vết của người nguyên thủy hàng vạn năm trước trong hang động của dãy núi 99 ngọn, chạy dài suốt phía tây, từ đầu tỉnh (Núi Chùa Ông - gần Hương Tích) đến cuối tỉnh (Kẽm Trống). Đó là một vùng "Địa linh nhân kiệt". Với Lê Hoàn, Trần Bình Trọng, Lê Tung, Đinh Công Tráng. Với thi hào Nguyễn Khuyến, nhà văn liệt sĩ Nam Cao, nhà văn hoá Bùi Kỷ. Với tiếng trống Bô Đê, và Nguyễn Hữu Tiến người vẽ cờ Tổ quốc ... Hà Nam là một vùng đất nghèo trước kia, nhưng lại có nhiều sản vật nổi tiếng như: Trai ngọc Sông Châu, chuối ngự Đại Hoàng tiến vua, lụa tơ Nha Xá, Làng trống Đọi Tam ...

Điển hình nhất trong cảnh sắc vùng chiêm trũng này là Núi Đọi - Sông Châu - Một biểu tượng đặc trưng cho địa văn hoá Hà Nam. Với con Sông Châu hiền hoà trong xanh suốt bốn mùa, có hàng chục thái ấp lớn từ các thời Đinh, Lê, Lý, Trần ... trên dọc sông, xuyên suốt các miền quê trong tỉnh .

Núi Đọi sừng sững như một con rồng phục ở giữa cánh đồng. Trên đỉnh núi có ngôi chùa cổ kính đã hình thành hàng ngàn năm nay; được mở mang xây dựng lại từ thời Lý, là một trong bốn ngôi chùa lớn nhất nước thời bấy giờ; Có thể đất Cừ Long, hiện còn dấu tích 9 con rồng cháu về Núi Đọi. Đặc biệt các nhà khảo cổ đã khai quật hàng chục ngôi mộ thuyền tìm thấy ở Châu Can (Phú Xuyên), Châu Sơn (Duy Tiên) cũng đều quay đầu hướng về Núi Đọi.

Hàng ngàn năm nay, chùa Long Đọi Sơn đã trở thành danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Hà Nam. Di tích lịch sử này đã thu hút hàng vạn du khách trong nước và ngoài nước đến viếng thăm, đặc biệt trong những ngày lễ hội.

Có nhiều nhà khoa học: Khảo cổ, sử học, Hán học, kiến trúc và nhiều danh sĩ, đạo sĩ đến đây để nghiên cứu, sưu tầm, khám phá, nhưng chùa Đọi vẫn là một ngôi chùa còn nhiều ẩn tích chưa thể tìm hiểu hết hoặc giải thích được, ở trong dân gian, trong các thư tịch và cả ở ngay thực địa .

Thế theo yêu cầu của Nhà chùa và nguyện vọng của giới tăng ni Phật tử, tôi đã đề công sưu tầm tư liệu và biên soạn cuốn sách nhỏ này, giúp bạn đọc và du khách gần xa có thể hình dung một cách khái quát toàn bộ về danh thắng và sự tích của chùa Đọi. Xin chân thành cảm ơn các Giáo sư, Tiến sĩ, Dịch giả, Thiên sư và Văn nghệ sỹ đã cung cấp tư liệu. Lần đầu tiên biên soạn, chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Kính mong các bậc cao niên, lão thành, các vị nhân sĩ trí thức, các nhà khoa học và đồng đạo bạn đọc gần xa tham gia góp ý sửa chữa và bổ xung. Để lần xuất bản sau được hoàn chỉnh hơn. Xin chân thành cảm ơn và trân trọng tiếp thu .

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Đọi Sơn

MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH NỔI TIẾNG CỦA TRẦN SƠN NAM

Núi Đọi - Sông Châu là biểu tượng đặc trưng của tỉnh Hà Nam.

Người xưa, không rõ tự bao giờ, đã có thơ truyền tụng rằng:

*Giữa cánh đồng bằng một trái non
Ngôi chùa Long Đọi đứng chon von
Công trình kiến trúc ai khen khéo
Phong cảnh xưa nay dậy tiếng đồn*

Núi Đọi là niềm tự hào bao đời nay của người Hà Nam. Núi thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, cao gần 80m, nổi giữa đồng bằng trù phú, nằm cách sông Châu 500m về phía đông, cách thị xã Phủ Lý hơn 10 cây số theo hướng đông bắc.

Ở vị trí này, Đọi Sơn tự nó đã tạo nên cảnh quan khá đặc sắc. Từ đỉnh núi nhìn dòng sông Châu uốn khúc, như một dải lụa xanh ôm lấy cánh đồng phì nhiêu, bãi ngô, ruộng khoai mượt mà tươi

tốt. Từ phía bắc nhìn về, núi tựa như dáng rồng phục. Viền theo chân núi là xóm mạc mái ngói đỏ tươi, san sát. Năm 1467, vua Lê Thánh Tông - người đứng đầu phái *Tao đàn nhị thập bát tú*, một lần kinh lý dừng chân nơi đây, đã tức cảnh đề thơ:

Lên cao tâm mắt nhìn bao quát

Muôn dặm cây xanh một dải mờ

Đọi Sơn, núi đất lẫn đá, gồm ba ngọn. Hai ngọn bên nhô ra như hai tay của chiếc gai, ngọn ở giữa thấp hơn giống như một cái án. Theo quan niệm địa lý xưa, núi Đọi nằm trong thế đất cửu long, một thế đất đẹp:

Đầu gối núi Đọi

Chân đọi Tuân Vương

Phát tích đế vương

Lưu truyền vạn đại

Sườn núi đông bắc gần như dựng đứng, phía khác đều thoải thoải.

Ở đây, cây cối tươi tốt bốn mùa. Những buổi sớm, ngọn núi như bông bênh trôi trên biển sương mờ. Cảnh hư ảo ấy làm cho mọi người dễ liên

tưởng đến những câu chuyện cổ lung linh sắc màu huyền thoại. Ngày đẹp trời, rộn rã cả một vùng tiếng hót của những loài chim: chào mào, chích choè, sáo sậu, ... tíu tíu những chú chim sâu chuyên cành ... Du khách như được thấy sự sống đang sinh sôi nảy nở mà lòng thanh thản, nhẹ nhàng.

Từ lâu ngôi chùa cổ kính trên đỉnh núi đã là một danh thắng thu hút du khách, là di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia. Đường lên chùa ở sườn núi phía nam, quanh co theo những bậc đá, cứ độ vài chục mét lại có khoảng tương đối rộng và bằng phẳng để du khách dừng chân nghỉ ngơi, ngắm cảnh. Vào thời Lý, Hình bộ thượng thư Nguyễn Công Bật, khi soạn văn bia Sùng Thiện Diên Linh đã tả: "Mặt chùa trông ra sông Kinh, gió lộng mặt sông như lụa biếc rải ra, lưng chùa quay về núi Địch, mưa tan dáng núi như gấm xanh thêm sáng". Và Nguyễn Phi Khanh, thân phụ của Nguyễn Trãi khi lên thăm chùa, xúc cảm trước cảnh đẹp thiên nhiên ở đây, đã viết:

Vắng tự chùa xa tới

Tiếng thưa lọt mũi bông...

Nhà thơ Nguyễn Khuyến khi lên thăm lại núi Đọi lần thứ nhất đã ghi lại cảm xúc của mình qua bài *Vọng Đọi Sơn*, với tứ thơ vịnh cảnh trữ tình:

Đồng bằng mọc núi lạ lòng thay

Lâu gác lô nhô bóng xế tây...

Cái thú trên non chừng vẫn có

Bên mây đứng đỉnh một sư thầy .

Không gian Đọi Sơn, cảnh sắc thiên nhiên hoà quyện cùng những công trình kiến trúc nghệ thuật. Nơi đây, lịch sử đã cuốn hút nhiều văn nhân, tài tử, các quý tộc vương hầu cùng nhân dân khắp miền đất nước viếng thăm và lễ Phật, nhất là những ngày chùa mở hội (từ 19 đến 21 tháng 3 âm lịch). Đọi Sơn, một danh lam thắng cảnh, thêm nét điểm tô cho địa văn hóa trấn Sơn Nam Thượng xưa và nay là tỉnh Hà Nam.

SỰ TÍCH CHÙA LONG ĐỘI SƠN

Từ Hà Nội đến thăm chùa Đọi Sơn đi theo quốc lộ 1 đến ga Đông Văn, rẽ trái đi Hoà Mạc rồi đi tiếp 8km nữa là đến núi Đọi. Chùa nằm ở trên đỉnh núi.

Đứng trên đỉnh núi (ở độ cao hơn bảy mươi chín mét) giữa bầu trời lộng gió và ánh nắng chan hoà, phóng xa tầm mắt, ta mới thấy hết được vẻ trù phú, duyên dáng của vùng đất xung quanh. Chẳng thế mà cách đây gần một nghìn năm, vua Lê Đại Hành quê ở Bảo Thái xã Liêm Cần, Thanh Liêm, Hà Nam đã chọn nơi này về cày ruộng tịch điền để mở đầu cho một năm làm ăn. Đây cũng là ông Vua mở đầu cho việc Nhà nước phong kiến Việt Nam quan tâm đến nền sản xuất nông nghiệp.

Đọi Sơn nằm giữa cánh đồng lúa vùng châu thổ sông Hồng. Phía đông có dòng Châu Giang uốn khúc. Dọc theo hai bờ sông, là những nương dâu bãi mía bạt ngàn. Làng xóm bao quanh chân núi, mái ngói đã thay thế gần hết cho các mái rạ.

Phong cảnh hữu tình của Đọi Sơn đã là nguồn cảm xúc, gợi thi hứng cho nhiều nhà thơ. Vào thế kỷ 15 khi lên núi thăm chùa, Lê Thánh Tông - ông vua đứng đầu phái tao đàn nhị thập bát tú đã ca ngợi:

Lên cao tầm mắt nhìn bao quát

Muôn dặm cây xanh một dải mờ

Còn Nguyễn Phi Khanh thì mô tả:

Triều dâng trời đất rạng,

Trăng bạc sáng mênh mông.

Nhà thơ Nguyễn Khuyến khi đã cáo quan về quê, chống gậy leo lên thăm lại núi Đọi, từ trên đỉnh núi đã băng khuâng:

Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá

Sư cụ nằm chung với khói mây ...

Chùa Đọi Sơn tên chữ là Diên Linh tự, được xây dựng vào đầu thế kỷ 11. Ngôi chùa làm ngay trên đỉnh núi, nay thuộc xã Đọi Sơn huyện Duy Tiên. Di tích này nằm bên những trục đường giao thông thủy bộ thuận tiện, trong một phong cảnh đẹp. Khi khánh hành công trình, hình bộ thượng thư Nguyễn Công Bật soạn văn bia đã ca ngợi: "Mặt chùa trông ra sông Kinh, gió lạnh mặt sông

như lụa biếc rải ra, lưng chùa quay về núi Đập, mưa tan dáng núi như gấm xanh thêm sáng".

Các công trình ở đây bao gồm chùa và tháp chùa do Lý Thánh Tông và Vương phi Ý Lan chủ trì xây dựng từ năm 1054 (do tể tướng Dương Đại Gia và mời thiền sư Đàm Cứu Chỉ đến trụ trì, tham gia xây dựng). Đến đời Lý Nhân Tông tiếp tục xây dựng phát triển và xây tháp cùng thiền Diên Linh từ năm 1118 - 1121. Ông vua thọ 56 tuổi này không có con trai nối dõi nên đã lập nhiều hoàng hậu và cung phi, đồng thời đã xây dựng nhiều chùa tháp để cầu mong phúc lành. Chùa tháp xây dựng trên núi Đọi lấy tên là Sùng Thiện Diên Linh có nghĩa là cầu về việc thiện, mong cho tuổi thọ kéo dài. Công việc này xây dựng do một người đứng đầu triều đình trông coi nhưng đóng góp sức người sức của chủ yếu vẫn là nhân dân địa phương. Bia Sùng Thiện Diên Linh đã xác nhận: "Xuống chiếu cho thợ thuyền cùng nẩy mực. Thi của cải để làm sáng thêm công đức". Chính sự đóng góp của dân đã tạo cho công trình thi công khá nhanh chóng. Nếu chùa và tháp Chương Sơn (Yên Lợi, Ý Yên) cũng do vua Lý Nhân Tông xây

dựng phải kéo dài tới chín năm (1108 - 1117) thì chùa và tháp Long Đọi Sơn chỉ làm trong bốn năm (1118 - 1121).

Ngôi chùa được xây dựng bề thế ngay trên đỉnh núi với diện tích rộng hơn một mẫu. Cây tháp xây ở giữa, lấy đây là trung điểm rồi xung quanh có: "Bên tả chùa dựng cung tứ giác, bên hữu là khám nhọn vuông, đằng trước là sân rộng có bậc thêm để lên nhà bái đường, hai bên là hai dãy hành lang, xung quanh xây tường bảo vệ, dựng hiên để phô trương nói các công trình. Phía ngoài bắc cầu mở rộng đường thôn, trồng bách thành hai dãy trước cửa dẫn lên chùa.

Trong toàn bộ kiến trúc ở đây cây tháp là một công trình được xây dựng công phu, nó to lớn và vượt lên trên tất cả. Tháp gồm: "Mười ba tầng chọc trời, mở bốn mươi cửa hứng gió". Ở tất cả các cửa vách đều chạm rồng. Đây là loại tháp vuông có bốn mặt. Ngoài tầng đế và hai tầng trên cũng không có cửa, còn lại mười tầng mở cửa cả bốn phía. Tháp Sùng Thiện Diên Linh là tháp mộ tầng trên "đặt hộp vàng xá ly, toả tường quang cho

đời thịnh sau này". Tầng đế hợp với tầng đầu tiên thành nơi thờ Phật, trong đó có đặt tượng Đà Bảo Như Lai. Trên các xà của tháp có treo chuông đồng. Đây là loại chuông nhỏ, có khả năng là những bộ đình đang, khi gió thổi va vào nhau tạo thành những âm thanh réo rắt rất vui.

Cây tháp còn được người đương thời dùng nghệ thuật trang trí để nâng cao giá trị và làm cho kiến trúc thêm đẹp. Trước hết ta thấy ở tầng dưới tháp chân tháp có "tám vị tướng khôi ngô đứng chống kiếm trang nghiêm chia đều ở bốn cửa" còn ở trên nóc vút cao thì có tượng "Tiên khánh bung mâm, húng móc ngọc cho bầu trời tạnh ráo". Cả cây tháp gần như là một ngọn bút, tượng đài cao lớn, bao gồm nhiều hình tượng và được thể hiện với nhiều phong cách khác nhau. Bên cạnh đó ở rải rác trong các thành phần kiến trúc còn có nhiều tượng trang trí như tượng chim thần đầu người mình chim đặt trên các con sơn, tượng hình giống như ở các cửa cuốn, các đổ dọc. Ngay cả những viên gạch dùng để ghép tường cũng có trang trí hình những vũ nữ đang múa.

Chùa Đọi Sơn đứng vững hơn ba trăm năm. Đầu thế kỷ 15 khi giặc Minh xâm lược nước ta, chùa Đọi Sơn đã bị phá huỷ và cây tháp bị đánh sập hoàn toàn. Khi lên thăm cảnh chùa, vua Lê Thánh Tông có bài thơ cho khắc ngay sau tấm bia Sùng Thiện Diên Linh, trong đó có những câu tố cáo tội ác của giặc:

Hoang đường vua Lý bia còn đó

Tàn bạo quân Minh tháp khác xưa ...

Cho mãi cuối thế kỷ 16 vào năm 1591 đời Mạc Mậu Hợp, tức là gần 170 năm sau khi bị giặc Minh tàn phá, ngôi chùa bị bỏ tàn phế, nhân dân địa phương mới "Dựng lại bia đổ, bắc lại xà nhà và những chỗ tường hư hỏng, làm cửa xây tường khiến cho sau hơn 500 năm, một nơi thảng cảnh trong chốn tùng lâm lại được mới mẻ". (Bài văn khắc mặt sau bia Sùng Thiện Diên Linh).

Vào năm Tự Đức thứ 13 (1860) chùa Đọi Sơn có sửa thượng điện, tiền đường, nhà tổ, siêu hương, gác chuông, nghi môn. Đến năm 1864 chùa lại tiếp tục sửa hành lang, đúc tượng Di Lặc, đúc khánh đồng và đục khánh đá do Sư Tổ đời thứ 5

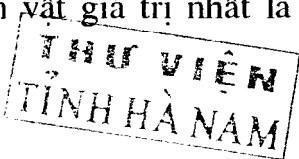
là Thích Chiếu Thường chủ trì xây dựng hoàn chỉnh 125 gian, từ đó trở thành trường Bắc Kỳ Phật giáo.

Ngôi chùa lúc này được dựng theo kiểu nội công ngoại quốc. Tại tiền đường, thượng điện tượng phật rất nhiều. Hai bên chùa là 18 gian hành lang thờ thập bát La Hán. Ngay ngõ vào là hai dãy nhà đắp cảnh thập điện. Chùa còn nhà tổ, nhà khách, tăng phòng ... tất cả có 125 gian chùa.

Trong kháng chiến chống Pháp, năm 1947 do chủ trương tiêu thổ kháng chiến để đánh giặc, chùa bị phá đổ hoang tàn suốt 10 năm trời, các sư sãi đều phải tản cư đi nơi khác. Ngay sau ngày hoà bình lập lại, năm 1957, các sư, cùng các tín đồ phật tử và nhân dân địa phương đã cho sửa chữa, tôn tạo lại di tích. Do Sư cụ Thích Đàm Giác - ủy viên Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nam Hà, trưởng Ban đại diện Phật giáo huyện Duy Tiên đứng lên kêu gọi. Kế đó là thượng toạ Thích Thanh Bột, thượng toạ Thích Liên Huê và Sư ni Thích Đàm Thử về trụ trì xây dựng tu sửa.

Hiện nay ở chùa Đọi Sơn vẫn còn một số di vật có từ thời Lý. Hiện vật giá trị nhất là tám bia đá

ĐC: 380



"Đại Việt quốc dương gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh" được khắc năm 1121 do thượng thư bộ hình Nguyễn Công Bật soạn. Tám bia cao 2,88m, ngang 1,40m. Xung quanh chân bia chạm sóng nước. Giữa những lớp sóng tượng trưng cho biển cả mênh mông ấy là một tấm bia đá to, do bốn con rồng nâng lên. Thường ở các bia đá, bao giờ cũng là rùa đội bia, nhưng ở đây là do hai đôi rồng. Trán bia ở hai mặt khắc rồng châu lá đề. Diềm bia chạm rồng uốn khúc trong những ô trám.

Chữ trên bia được khắc phủ kín hai mặt. Nội dung miêu tả sự nghiệp giữ nước và dựng nước của Lý Nhân Tông, Lý Thường Kiệt đồng thời nêu lên đời sống kinh tế, văn hóa, trình độ khoa học kỹ thuật của dân tộc ta lúc đương thời. Lời văn xúc động vào hào hùng.

Ngoài tám bia ở chùa này còn tám vị "thần nhân chống gươm ủng hộ" đặt dưới chân tháp, nay còn lại sáu. Đây là tượng kim cương là các thần tướng nhà trời đi hộ vệ đức phật. Tượng cao 1,60m tương đương như một người thật, đứng chống gươm trước bụng. Các pho tượng ăn mặc theo lối quan võ. Phía trước áo giáp là lá chắn áo được

trang trí những bông hoa nhỏ nhiều cánh. Các pho tượng này được thể hiện vẻ đẹp cân đối, thống nhất và linh hoạt. Từ ngày tạo dựng cho đến nay, chùa Đọi Sơn đã bị tàn phá và được tu sửa nhiều lần. Đến thăm chùa, ta không chỉ thăm một trong những thắng cảnh có tiếng, mà còn là dịp tìm hiểu về ngôi chùa cổ kính, một trong những kiến trúc tiêu biểu của thời Lý. Sự có mặt của một số di vật từ thế kỷ 11 và 12 càng làm tăng giá trị lịch sử văn hóa của di tích.

VỊ TRÍ ĐỊA HÌNH, THỂ ĐẤT CHÙA LONG ĐỘI SƠN

- Toạ độ trên bản đồ quốc gia:

105⁰30' 188,01 kinh độ Đông

20⁰20' 22,775 vĩ độ Bắc

- Cao độ trên đỉnh núi Đọi, cạnh mốc đo đạc quốc gia Δ 79,1m so với mặt biển .

- Toàn bộ chùa xây dựng trên đỉnh núi, trong khuôn viên khoảng 2ha vườn, rừng.

- Địa lý hành chính thuộc xã Đọi Sơn huyện Duy Tiên - tỉnh Hà Nam

- Cự ly cách thủ đô Hà Nội 50km về hướng Nam, cách Phủ Lý 10km về hướng Đông Bắc, theo đường tỉnh lộ 9710 bờ hữu ngạn sông Châu.

- Chính diện chùa quay về hướng Nam, theo đúng câu ca "*Đầu gối núi Đọi, chân đọi Tuần Vương, phát tích đế vương, lưu truyền vạn đại*". Tuần Vương là ngã ba sông Hồng với sông Ninh Giang, nối sông Hồng với sông Đáy (Gần cống Hữu Bị ngày nay). Ngày xưa chưa có đê đập, cửa sông này dòng nước rất nguy hiểm và linh thiêng.

- Phía Bắc hướng về Thăng Long, thủ đô của cả nước, đứng trước còn có núi Diệp Sơn, như một tiền đồn chống giặc phương Bắc thời xưa, và như một tiền cảnh chào đón khách du lịch ngày nay.

- Phía Đông, về hướng thị xã Hưng Yên qua sông Hồng, trước đây gọi là phố Hiến - *Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến*. Trước đây là một thương cảng lớn, đông vui, sầm uất. Gần sát chân núi là dòng sông Châu là con sông ruột, xuyên suốt chiều dài tỉnh Hà Nam, bắt nguồn từ cầu Giẽ nối với sông Nhuệ, chảy qua huyện Duy Tiên, Lý Nhân, đổ ra sông Hồng ở cửa Hữu Bị (cửa Tuần Vương trước đây). Có 3 chi lưu : 1 đổ ra cửa Lãnh Giang (Sông Hồng) nay đã bị lấp, một cửa đổ ra thị xã Phủ Lý nối vào sông Nhuệ và sông Đáy thành ngã ba sông (Sông Đáy, Sông Nhuệ, Sông Châu) gặp nhau và 1 đổ ra sông Sắt rồi đổ ra sông Đáy ở ngã ba Tiêu Động - Bình Lục.

- Phía Tây hướng về chùa Hương Tích và đường Thiên Lý xưa, nay là quốc lộ 1A, chạy suốt chiều dài đất nước, Đọi Sơn cách đường 1A khoảng 5,5km.

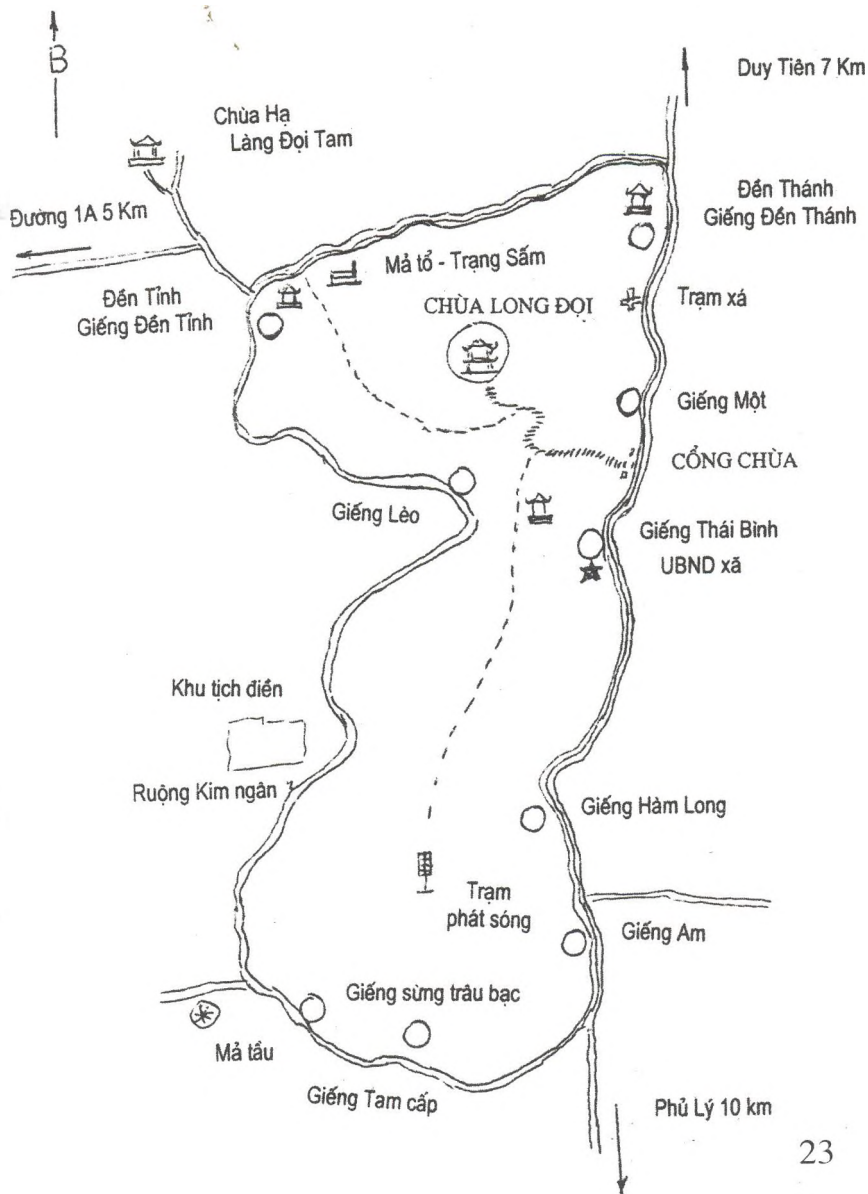
- Thế đất cừu long (theo người xưa nói) :

- Toàn cảnh núi Đọi từ xa trông giống như một con rồng đất rất lớn nằm phục ở giữa đồng bằng vùng chiêm trũng, đầu nhô cao hướng về phía Thăng Long.

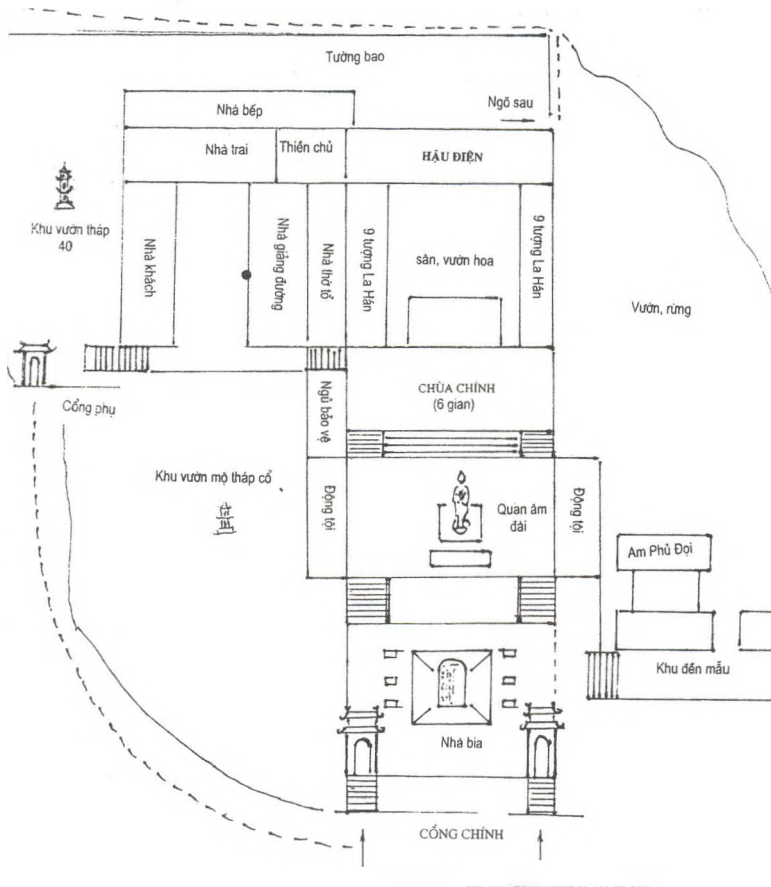
- Đứng trên đỉnh núi Đọi, có thể nhìn thấy 9 con đường, sông và mương máng từ 4 hướng chạy về núi Đọi, hình dung như 9 con rồng châu về núi.

- Hiện nay còn 9 cái giếng nước ăn ở xung quanh chân núi gọi là mắt rồng, quanh năm không bao giờ cạn nước (xem sơ đồ).

SƠ ĐỒ NGOẠI VI CHÙA ĐỘI



SƠ ĐỒ NỘI VI CHÙA ĐỘI



Diện tích xây dựng $\approx 1000 \text{ m}^2$

Diện tích vườn rừng $\approx 1 \text{ ha}$

NIÊN BIỂU CHÙA LONG ĐỘI SƠN

- Năm 40: Từ thời Hai Bà Trưng đã có phủ Đội Sơn
- Làng Đội đã có chùa, sau này gọi là Chùa Hạ (Làng Đội Tam) . Trên núi đã có Am thiền nhỏ. Quân của Tô Định đã đóng đồn trên núi; nghĩa quân của bà Cao Thị Liên (21 - 43) ở Thạch Tổ, Thanh Liêm (nay là Phủ Lý) đã nhiều lần đem quân đến đánh, hiện còn di tích mả Tàu từ nhiều đời để lại.
- 987 - Mùa xuân. Vua Lê Đại Hành đến tịch điền ở chân núi Đội, truyền thuyết nhà Vua cày được 1 hũ vàng và 1 hũ bạc, nên đặt tên là ruộng Kim Ngân.
- 1010- Được tin Vua Lý rời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Nhân dân làng trống Đội Tam tổ chức một đoàn múa trống và múa rồng leo lên núi cao để vẫy chào đoàn thuyền của nhà Vua. Từ dưới thuyền trông đoàn múa rước, như là một bầy rồng đội núi bay lên. Lý Thái Tổ thấy thế rất mừng liền đổi tên núi Đội là Long Đội Sơn (rồng đội núi) và cho phép làng Đội Tam được đem nghề

trống lên Kinh đô Thăng Long sản xuất, sau này phát triển trở thành phố Hàng Trống (gần hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội).

- 1010 - Sau khi rời đô xong - Lý Thái Tổ cho xây dựng và phát triển chùa chiền ở Kinh Đô, đồng thời lệnh cho các hương ấp, "nơi nào có chùa quán đã đổ nát đều phải sửa chữa lại ..." Nhân dân vùng núi Đọi đã tu sửa am thiên thành sơ thiên bằng tre, gỗ .
- 1054 - Lý Thánh Tông (đời thứ 3 triều Lý) cùng Vương phi Ý Lan đi thăm thấy cảnh sắc đẹp, lại có di tích lịch sử (ruộng vàng, ruộng bạc của Lê Đại Hành và Lý Thái Tổ đổi tên là Long Đọi Sơn) nên đã quyết định cho xây dựng chùa Long Đọi Sơn với quy mô gạch ngói lâu bền, là một trong 4 chùa lớn của cả nước thời đó. Giao cho tể tướng Dương Đại Gia chỉ huy xây dựng và mời thiền sư Đàm Cứu Chỉ về trụ trì ở chùa để cùng tham gia xây dựng.
- 1118-1121- Lý Nhân Tông (đời vua từ 4 triều Lý) cho mở mang to đẹp hơn và xây tháp Sùng Thiện Diên Linh cao 13 tầng .

- 1122 - Xây dựng bia đá lớn cũng gọi là bia Sùng Thiện Diên Linh (là bia đá lớn nhất nước ta hiện nay còn lại). Giao cho Lý Công Bật Hình bộ thượng thư viết văn bia chùa Đọi.
- 1406 - Nhà thơ Nguyễn Phi Khanh (thân phụ Nguyễn Trãi) đến thăm chùa, vịnh thơ.
- 1407 - Giặc Minh sang xâm lược nước ta, đã phá chùa và tháp Sùng Thiện Diên Linh, lật đổ bia đá (trong khoảng 1414 - 1417).
- 1467 - Vua Lê Thánh Tông (đời vua thứ 3 triều Lê Lợi) đến thăm chùa, để lại bài thơ khắc vào mặt sau bia đá của triều Lý.
- 1498 - Nhà thơ (Tiến sỹ) Nguyễn Bảo đến thăm chùa, vịnh thơ.
- 1591 - Đời Mạc Mậu Hợp , nhân dân đóng góp tiền của xây dựng lại chùa, do Hoà thượng Thích Hải Triều trụ trì .
- 1860 - Đời Tự Đức (tổ đời thứ 5 -Thích Chiếu Thường) sửa thượng điện, tiền đường, nhà tổ, siêu hương, gác chuông, nghi môn, xây dựng hoàn chỉnh 125 gian - Từ đó thành trường Bắc kỳ Phật giáo, trở thành tùng lâm

chốn tổ, khai trường thuyết pháp, cứu thế độ sinh gọi là Trường Hạ, giáo dục tăng ni trong 3 tháng hè.

1862 - Nhà thơ Bùi Di (phó bảng) đến thăm chùa vịnh thơ.

1864 - Sửa hành lang, đúc tượng Di Lạc bằng đồng, đúc chuông đồng, đúc khánh đồng.

1871 - Nhà thơ Nguyễn Khuyến đến thăm chùa lần thứ nhất, vịnh thơ.

1884 - Nhà thơ Nguyễn Khuyến đến thăm chùa, vịnh thơ lần thứ hai (sau khi cáo quan).

1947 - Kháng chiến chống Pháp, chùa bị đốt phá do tiêu thổ kháng chiến, trở thành hoang tàn.

1957 - Hoà bình lập lại các sư trong sơn môn khôi phục chốn tổ, nhân dân và thập phương tham gia tu sửa, tôn tạo di tích lịch sử.

Lập lại trường Hạ do Sư cụ chùa Đô Quan là Hội trưởng Hội Phật giáo huyện Duy Tiên, uỷ viên Quốc hội đứng lên tổ chức xây dựng khôi phục chốn tổ.

1960 - Chốn tổ cử cụ Thượng toạ Thích Liên Huệ (người thôn Nhất) và sư cụ Thích Thanh Bội

(người làng Yên Nam - Điệp Sơn) trụ trì chùa và Sư cụ Thích Đàm Thử (nữ) về làm chi điền cai quản ruộng vườn.

1992 - Được Nhà nước cấp bằng Di tích lịch sử Văn hóa (ngày 10.4.1992, Nghị định số 519/CP) sau được Nhà nước và chính quyền cấp kinh phí trùng tu.

1993 - Xây lại nhà bia.

1994 - Sửa các nhà động tịnh (thập điện Minh Vương)

1995 - Xây lại nhà Hậu điện.

1996 - Xây lại nhà Thập bát La Hán.

1998 - Nhà chùa đúc lại tượng La Hán xong (18 vị).

2000 - Xây lại Trung điện (do Đại Đức Thích Thanh Vũ chủ trì).

DANH SÁCH CÁC ĐỜI SU TRỤ TRÌ CHÙA LONG ĐỘI SƠN

I- Từ Thời Lý:

- Mới chỉ sưu tầm được 1 vị Thiền sư là Đàm Cứu Chỉ sinh năm 995 - mất năm 1067 - Quê quán tại Tiên Du - Bắc Ninh. Theo lời mời của vua Lý Thánh Tông và Vương Phi Ý Lan, về trụ trì ở chùa Long Đội Sơn để tham gia xây dựng chùa với quy mô gạch ngói lâu bền, cùng với tể tướng Dương Đại Gia.

II- Danh sách 10 đời sư tổ trong thiền phái còn ghi kể từ khi xây dựng lại Chùa từ thời nhà Mạc:

1. Long Đội Sơn đệ nhất tổ sư. Viên tông tăng thống, tặng phong đại hoà thượng, tích thủy, tự Hải Triều, tự tại thuyên sư hoá thân Bồ Tát thuyên toạ hạ. Không rõ quê quán, không rõ họ, tên là Tích, tự là Hải Triều (Thích Hải Triều).

- Sinh năm Tân Tỵ (1521) đời Lê sơ (Lê Chiêu Tông)

- Đến xây dựng lại chùa năm Tân Mão (1591) đời Mạc (Mạc Mậu Hợp).

- Viên tịch ngày 15-7 không rõ năm .

2. Long Sơn đệ nhị tổ sư Phụng thiện hoàng long, hiển tông tăng chính, tự Tịch Khoan, đức uy nhân chí thuyên sư:

Quê quán tại thôn Đọi Tam xã Đọi Sơn huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam. Không rõ họ tên thật, tự là Tịch Khoan (Thích Tịch Khoan) xuất gia, ở chùa năm Quý Sửu (1613) - Viên tịch ngày 14/11 năm Mậu Tuất (1658) tu ở chùa 45 năm .

3. Long Sơn đệ tam tổ sư Liên đăng tục diệm, quang tiền diện hậu, tự Chiếu Tính, đức hạnh thuyên sư.

Quê quán: Thôn Đọi Trung xã Đọi Sơn huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam. Không rõ họ tên thật, tự là Chiếu Tính (Thích Chiếu Tính) xuất gia đến chùa năm Kỷ Ty (1629) - Viên tịch ngày 22/3 không rõ năm.

4. Long Sơn đệ tứ tổ sư. Chính trực đôn hoà, từ nhân quảng tế, phá minh chiếu, trấn đức thuyên sư, thuyên toạ hạ .

- Quê quán: Tiên Lữ, Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Không rõ họ tên thật, năm sinh, tự là Trấn Đức (Thích Trấn Đức).

- Xuất gia vào chùa năm Bính Tuất (1646)

- Viên tịch ngày 22/5 không rõ năm.

5. Long Sơn đệ ngũ tổ sư. Từ hoà tháp ân tự, lục điệp ma ha tử khiêu, tự Chiếu Thường, đại hoà thượng nhục thân Bồ Tát.

- Quê quán: Thôn Đọi Lĩnh xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Không rõ họ tên thật, tự là Chiếu Thường (Thích Chiếu Thường) sinh năm Ất Dậu (1765). Viên tịch ngày 21-3 năm Canh Tý (1840) đời Minh Mệnh, thọ 75 tuổi.

6. Long Sơn đệ lục tổ sư. Từ thuận tháp ôn lương, cung nhường bi chí, viên dong tử khiêu, giới tự phả đoạn, pháp hiệu Thanh Tùng, Thích bính bính, tự đại Bồ Tát, thuyền toạ hạ.

- Quê quán thôn Đọi Lĩnh, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Họ Tạ, không rõ tên thật, pháp hiệu là Thanh Tùng (Thích Thanh Tùng), không rõ ngày sinh, ngày đến chùa. Viên tịch ngày 22/8 không rõ năm.

7. Long Đọi đệ thất tổ sư, Đồng Văn tháp tử khiêu giới, tự Bảo thụ, hy hy lạc đức, thuyền sư Bồ

tát, thuyền toạ hạ.

- Quê quán: Huyện Mỹ Lộc - tỉnh Nam Định -
Họ Trần, tự là Bảo Thu (Thích Bảo Thu). Đầu tiên
ở chùa Thanh Sơn, Hương Tích, rời về ngự tổ thứ
7 Chùa Đọi Sơn, không rõ năm sinh, năm mất.
Viên tịch ngày 13 tháng 10.

8. Long Sơn đệ bát tổ sư, Tư Viên tháp, ma ha
tỷ khiêu, giới tự thông quyền, chiếu chiếu nhấn
nhục, thuyền sư Bồ Tát.

- Quê quán: Huyện Phù Tiên tỉnh Hưng Yên,
họ Trần không rõ tên thật tự là Thông Quyền, Trần
Thông Quyền (?). Thích Thông Quyền. không rõ
năm sinh, đến chùa năm Kỷ Hợi (1839). Viên tịch
ngày 25 tháng 10 năm Mậu Thân (1908).

9. Long Sơn đệ cửu tổ sư. Viên minh tháp, ma
ha tỷ khiêu, giới tự Phúc Hựu, hiệu khoan hoà
quảng chí, thuyền sư Bồ Tát.

Quê quán: Thuộc huyện Thường Tín tỉnh Hà
Tây - Họ Vũ tên Phúc Hựu (Vũ Phúc Hựu), pháp
hiệu là Quảng Chí (Thích Quảng Chí). Sinh năm
Mậu Ngọ (1858), viên tịch ngày 8 tháng 9 năm
Kỷ Ty (1929)

10. Long Sơn đệ thập tổ sư. Từ Minh tháp, ma ha tử khiêu, giới tự Thông Trà, thích hiệu cảnh cảnh, Tịnh Đức thuyên sư, nhục thân Bồ Tát.

Quê quán: thôn Bút xã Châu Giang, huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam. Họ Lê tên Thông Trà (Lê Thông Trà), pháp hiệu Thích Tịnh Đức, không rõ ngày tháng năm sinh, ngày ở chùa. Viên tịch ngày 4 tháng 1 năm Ất Dậu (1945).

III- Các đời sư trụ trì tiếp theo kể từ năm 1957 tới nay

1. Thượng toạ Thích Thanh Quảng - sinh năm Giáp Tý (1924) là cháu của tổ thứ 10 (Thích Tịnh Đức). Vào ở chùa Đọi từ năm 1932 đến năm 1947 chùa bị tiêu thổ kháng chiến, phải đi tản cư sang chùa Hối thôn Hải Triều xã Tân Lễ huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Hiện nay là thượng toạ trụ trì chùa Hối.

2. Thượng Toạ Thích Thanh Bội sinh năm Nhâm Dần (1902). Quê quán thôn Yên Nam xã Điệp Sơn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Đến trụ trì xây dựng lại chùa từ năm 1957. Viên tịch ngày 22 tháng 8 năm Quý Sửu (1973), thọ 71 tuổi.

3. Thượng toạ Thích Liên Huê - sinh năm Tân

Dậu (1921). Quê quán tại thôn Đọi Nhất xã Đọi Sơn huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam. Cùng đến tham gia xây dựng lại chùa từ năm 1957, sau đó trụ trì từ năm 1973. Viên tịch ngày 5 tháng 11 năm Kỷ Ty (1989) thọ 69 tuổi.

4. Sư ni Thích Đàm Thử, sinh năm Đinh Mùi (1907). Quê quán tại Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Cùng đến tham gia xây dựng lại chùa từ năm 1957, phụ trách chi điền, trông nom ruộng vườn nhà chùa. Viên tịch ngày 14 tháng 11 năm Ất Sửu (1997) thọ 91 tuổi.

5. Đại đức Thích Thanh Vũ - sinh năm Kỷ Hợi (1959).

Quê quán: Tại Lý Nhân - Hà Nam là đệ tử của Thượng toạ Thích Thanh Quảng được cử từ Hưng Hà, Thái Bình về đương cơ chốn tổ, trụ trì chùa Đọi Sơn từ 1989 đến nay.

BẢNG THỐNG KÊ DANH SÁCH CÁC ĐỜI SU TRỤ TRÌ CHÙA ĐỘI

TT	PHÁP DANH (HỌ TÊN)	NĂM SINH	NĂM MẤT	TRỤ TRÌ Ở CHÙA	QUÊ QUÁN	NGÀY GIỜ (ÂM LỊCH)	GHI CHÚ
<u>Thời Lý :</u>							
1	Đàm Cứu Chỉ	995	1067	1054	Tiên Du - Bắc Ninh		
<u>Từ thời Mạc đến thời Nguyễn (10 đời sư tổ) :</u>							
1	Thích Hải Triều	1521		1591		15-7	
2	Thích Tịch Khoan		1658	1613	Đội Sơn, Duy Tiên, Hà Nam	14-11	
3	Thích Chiêu Tinh			1629	Đội Sơn, Duy Tiên, Hà Nam	22-3	
4	Thích Trấn Đức			1646	Tiên Lữ, Khoái Châu, Hưng Yên	22-5	
5	Thích Chiêu Thương	1765	1840		Đội Sơn, Duy Tiên, Hà Nam	21-3	
6	Thích Thanh Tùng (Tạ Thanh Tùng)				Đội Sơn, Duy Tiên, Hà Nam	22-8	
7	Thích Bảo Thụ (Trần Bảo Thụ)				Mỹ Lộc, Nam Định	15-10	

TT	PHÁP DANH (HỌ TÊN)	NĂM SINH	NĂM MẤT	TRỤ TRÌ Ở CHÙA	QUÊ QUÁN	NGÀY GIỖ (ÂM LỊCH)	GHI CHÚ
8	Thích Thông Quyển (Trần Thông Quyển)		1908	1839	Phù Tiên, Hưng Yên	25-10	
9	Thích Quảng Chí (Vũ Phúc Hựu)	1858	1929		Thường Tín, Hà Tây	8-9	
10	Thích Tịnh Đức (Lê Thông Trà)		1945		Thôn Bút, Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam	4-1	
<u>Từ 1957 đến nay</u>							
1	Thích Thanh Quảng	1924		1932- 1947	Hưng Hà, Thái Bình		
2	Thích Thanh Bột	1902	1973	1957	Điệp Sơn, Duy Tiên, Hà Nam	22-8	
3	Thích Liên Huê	1921	1989	1957	Đọi Sơn, Duy Tiên, Hà Nam	5-11	
4	Thích Đàm Thử	1907	1997	1957	Hưng Hà, Thái Bình	14-11	
5	Thích Thanh Vũ	1959		1989	Hoà Hậu, Lý Nhân, Hà Nam		

THIÊN SU ĐÀM CỨU CHỈ

(995 - 1067)

*Thiền sư thời Lý Thái Tông - Trụ trì chùa Long
Đội Sơn*

Không rõ tên thật, pháp danh là Cứu Chỉ - Đời thứ 7 phái Võ Ngôn Thông, dòng thiền Quan Bích, Việt Nam. Quê ở làng Phủ Đàn, Hương Chu Minh, tỉnh Bắc Ninh. Sinh năm Ất Mùi (95). Thuở nhỏ, ông hiếu học, đọc nhiều sách, thường than rằng: Khổng Tử, Mặc Tử, câu chấp về lẽ "có"; Lão Tử, Trang Tử, đả đối về lẽ "không". Những cách vụn vặt của thế tục đều không phải là phương pháp giải thoát. Chỉ có Phật giáo không thể CÓ, KHÔNG, có thể kết liễu được cuộc sống khác, nhưng phải tự tu rất nghiêm ngặt mới được".

Ông tham đạo với Định Hương Trường lão ở chùa Cam Ứng núi Ba Sơn rồi tiếp tục tu học ở chùa Quang Minh, núi Tiên Du.

Vua Lý Thái Tông đã ba lần cho vời, ông vẫn không đến, khiến vua phải thân tới chùa thăm hỏi. Sau ông vui lòng về trụ trì ở chùa Diên Linh, núi Long Đội (ở Duy Tiên, Hà Nam) do Tế tướng

Dương Đại Gia xây dựng và mời ông (năm 1054) do thiện ý của vua Lý Thánh Tông (con Lý Thái Tông) và Vương phi Ý Lan. Ông đã góp công sức để xây dựng chùa cùng tế tướng Dương Đạo Gia và trở thành vị cao tăng đầu tiên ở chùa Long Đọi, kể từ khi Lý Thánh Tông (rời Lý Nhân Tông) cho mở mang xây dựng bằng gạch ngói lâu bền, là một trong 4 ngôi chùa lớn của thời Lý lúc bấy giờ. (Đến đời Lý Nhân Tông lại phát triển thêm và cho xây tháp "Sùng Thiện Diên Linh cao 13 tầng trong 3 năm (1118 - 1121) mới xong. Lại sai thượng thư Lý Công Bật (1072 - 1128) viết văn bia chùa Đọi, cũng là một trong những bia đá to hiện nay còn lại).

Thiền sư Đàm Cứu Chỉ - mất năm Đinh Mùi (1067) thọ 72 tuổi.

* **Tác phẩm**: Còn lại 1 bài thơ "Tâm Pháp" kèm theo lời dẫn.

Nội dung bài thơ cho ta thấy Thiền Sư muốn nói tất cả thế giới hiện tượng này chỉ là cái bóng của tâm giới mà thôi.

*Theo tuyển tập
Nhân vật lịch sử - Văn hóa Hà Nam
Nxb Hội nhà văn - Hà Nội 2000*

ĐẠI HOÀ THƯỢNG THÍCH CHIẾU THƯỜNG

(1765 - 1840)

Sư tổ đời thứ 5 chùa Long Đọi Sơn .

Không rõ tên thật, năm sinh, quê quán.

Pháp danh gọi là: "*Hoà Thượng tự Chiếu Thường Nhục thân Bồ Tát*" (Thích Chiếu Thường).

Chùa Long Đọi Sơn có từ trước thế kỷ 10 (có trước khi Lê Hoàn, Đại Hành hoàng đế, đến đây tịch điền khuyến nông năm 987).

Được mở mang xây dựng lại từ thế kỷ thứ 11, từ đời Lý Thánh Tông (1054 -1072) đến đời Lý Nhân Tông (1072 - 1497) được mở mang xây dựng thêm và dần dần tu bổ, phát triển (1118 - 1121).

Chùa và tháp tồn tại được trên 300 năm đến thế kỷ thứ 15, giặc Minh sang xâm lược nước ta, đã phá hỏng toàn bộ chùa và tháp trong khoảng (1414-1417). Từ đó chùa bị hoang phế, mãi gần 200 năm sau. Đời nhà Mạc (Mạc Mậu Hợp) (1591), nhân dân mới xây dựng lại chùa.

Đến nay chùa Long Đọi còn lưu danh 10 đời sư tổ kể từ đời Mạc trở đi (là những vị hoà thượng có

nhiều công lao xây dựng và phát triển chùa, mới được giới tăng ni và chúng sinh tôn là Sư tổ). Trong đó có 2 đời Sư tổ được đóng mốc son trong việc hình thành và phát triển Chùa Long Đọi Sơn là:

Đời Sư tổ thứ nhất: Thiên sư Đại hoà Thượng Thích Hải Triều, không rõ họ tên thật, quê quán và năm sinh, năm mất. Truyền thuyết kể lại rằng: Thiên sư qua đây gặp phong cảnh hữu tình, thế đất Cửu Long (9 con rồng châu về núi) đồng ruộng tươi tốt, chúng sinh hiền hoà mộ đạo, lại thấy dấu vết của cảnh chùa cũ đã đổ nát hoang tàn, cây cối rậm rạp um tùm. Thiên sư coi đây là nơi đắc địa cho đất Phật, nên đã dựng 3 gian nhà tranh nhỏ để thờ Phật trên đỉnh núi và thu nạp các bậc tu hành đến nương thân. Tuy không để lại nhiều dấu tích, nhưng sự có mặt của thiên sư Thích Hải Triều là dấu ấn đầu tiên tái lập chùa Long Đọi sau này, kể từ năm 1591.

Đời Sư tổ thứ 5: Là Hoà Thượng Thích Chiếu Thường cùng một lúc trụ trì 3 chùa: Chùa Thọ ở Thường Tín, chùa Đa Bảo ở Phú Xuyên, nhưng nơi chính vẫn là chùa Long Đọi.

Sách nhà Phật còn lưu giữ tại chùa có ghi lại: Vị chân tu đạo cao đức trọng đã có lần vào Thanh Hoá cầu nguyện cho mẹ vua (Quốc Mẫu) khỏi được bệnh. Khi ra về được vua ban thưởng một đôi đũa kim giao và một chén ngọc (Hiện vật mất năm 1947) do tiêu thổ kháng chiến chống Pháp.

Hoà thượng Thích Chiếu Thường là người có công lớn nhất trong việc hình thành 125 gian chùa (tôn tạo hoàn thiện trên cơ sở các đời tổ trước để lại) về mặt cảnh quan. Phần bài trí tượng phật bên trong ... là người đứng ra lo toan xây cất tiền đường, hậu điện. Xây thêm 7 gian sau với tả hữu hành lang, hoàn thiện các ván in sách (chữ khắc trên bản gỗ để ấn loát sách kinh) và lưu hành các bộ kinh: Kinh Di Đà - Kinh Dược Sư - Kinh A Hàm - Kinh Bảo Huấn - Kinh Hộ Pháp và Kinh Nhật Tụng.

Đúc 1 chiếc khánh lớn và 1 tượng Di Lạc bằng đồng nặng 1000kg.

Hoà Thượng cho xây thêm 8 gian và hệ thống tăng phòng để có chỗ sư sãi về nghỉ ngơi và học tập. Từ đó thành trường Bắc Kỳ Phật giáo, trở

thành từng lâm chốn tổ, giáo dục tăng ni trong 3 tháng hè, gọi là trường hạ.

Hoà thượng viên tịch ngày 21- 3 năm Canh Tý, đời Minh Mệnh (1840). Được sư sãi và quan lại triều đình cùng dân chúng khắp nơi về dự lễ an táng. Đến kỳ chính kỵ năm sau. Số người về cũng rất đông, phải làm đến 3 ngày mới hết. Chính vì vậy, hội chùa Đọi hàng năm là ngày 21-3 và thường kéo dài 3 ngày - Hội chùa song song với việc lễ Phật và vãng cảnh còn có ý nghĩa tưởng niệm ngày mất của Hoà Thượng Thích Chiếu Thường Nhục thân Bồ tát - người đã có công lớn trong việc xây dựng mở mang phát triển chùa Long Đọi.

Theo tuyển tập

Nhân vật lịch sử - Văn hóa Hà Nam

Nxb Hội nhà văn - Hà Nội 2000

VUA LÝ NHÂN TÔNG
NGƯỜI MỞ MANG XÂY DỰNG
CHÙA THÁP SÙNG THIỆN DIÊN LINH

Lý Nhân Tông tên thật là Lý Càn Đức (1066 - 1128) là vua triều Lý thứ 4 (1072 - 1128); sinh ngày 25 tháng Giêng năm Bính Ngọ, mất tháng Chạp năm Đinh Mùi, người Châu Cổ Thập, lộ Bắc Giang (nay thuộc tỉnh Bắc Giang).

Ông là con vua Lý Thánh Tông - vua thứ 3 đời Lý và Nguyên Phi Ý Lan - một người con gái bình dân, hái dâu hay chữ. Trong văn bia Sùng Thiện Diên Linh ở chùa Đọi ghi chép những điềm lạ khi thân mẫu Nhân Tông mang thai và khi vua ra đời, vẻ đẹp kỳ tú của dung nhan vua thời thơ ấu; kiến thức rộng lớn, tài cung kiếm, thơ nhạc của vua thuở thiếu thời. Lý Nhân Tông lên ngôi từ năm lên 7 tuổi, và làm vua vào một thời kỳ mà triều Lý bắt đầu đạt đến sự phát triển cao độ, ông đã từng được sử sách khen là "Xứng đáng vị vua anh minh". Với một đội ngũ quan lại dưới quyền đầy tài năng, triều đại ông đã lập nên nhiều công trạng lẫy lừng: mấy lần đánh Tống, bình Chiêm thắng lợi, đập tan âm mưu xâm chiếm Đại Việt của Tống, bắt vua Tống phải mở

Hội nghị hai bên dài ngày ở Vĩnh Bình để bàn việc hoạch định biên giới và trao trả tù binh cho Tống.

Cũng như hai vị vua (ông nội và cha đẻ) là Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông đã đưa tư tưởng Thiên Tông (một tông phái đạo Phật để hiểu vào nước ta, tạo điều kiện cho những người bình dân tiếp thu chân lý Phật. Qua đó kết hợp với tâm linh, tín ngưỡng của cộng đồng người Việt trồng lúa nước tạo nên bản sắc riêng của đạo Phật Việt Nam cũng như văn hóa - tư tưởng thời đó để lãnh đạo đất nước. Vì vậy có thể nói, thời Lý là thời kỳ Phật giáo phát triển cực thịnh ở nước ta.

Kế thừa những phẩm chất của thân mẫu (Nguyên Phi Ý Lan), ông gần gũi và yêu thương nhân dân, quan tâm đến việc khai khẩn đất đai, mở mang nông nghiệp, cấm giết trâu bò bừa bãi. Ông là người có công lao, tài trí trong việc xây dựng các công trình kiến trúc cho đất nước tiếp theo công trình của vua cha là Lý Thánh Tông và thân mẫu Nguyên Phi Ý Lan cho xây dựng chùa Long Đọi Sơn từ 1054- ông cho mở mang to đẹp hơn và xây tiếp tháp Sùng Thiện Diên Linh - để cầu thiện và bia đá Diên Linh tự để ghi công đức mẫu thân và nhà

vua. Văn bia Sùng Thiện Diên Linh ghi rõ: "... gặp lúc trung thu cảnh đẹp, muôn việc nghỉ ngơi thì vua vận dụng sự kỳ diệu của mưu thần vào việc: chế thuyền ngự nguy nga to đẹp như cảnh thần tiên trên bể, chế mô hình rồi nước rùa vàng mà mọi cảnh đều sinh động, linh hoạt; thiết kế các lầu đài có máy móc tự động như người gõ đánh chuông, đài sen 7 tầng có bánh xe xoay chuyển; xây dựng các chùa lớn, tháp cao như chùa Diên Hựu, Long Đọi, tháp Sùng Thiện Diên Linh và cung điện, sân châu để họp mặt các chư hầu.

Dưới triều Lý lần đầu tiên nước ta lập trường học Quốc Tử Giám, chiêu hiền đãi sỹ, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn nữa về mặt kinh tế và bộ mặt văn hóa đất nước, người học trò đầu tiên của Quốc Tử Giám là Thái tử Càn Đức tức Lý Nhân Tông sau này.

Tác phẩm văn học của Lý Nhân Tông hiện chỉ có 3 bài thơ, 4 bài hịch, chiếu và một vài bức thư gửi triều đình Tống, 3 bài tứ tuyệt : *Trung tán Vạn Hạnh Thiền Sư*; *Tán Giác Hải Thiền Sư*; *Thông Huyền đạo nhân*; *Trung tán Sùng Phạm Thiền Sư* đều thuộc thơ thù tấu, ban khen hoặc truy tán các vị Thiền sư và Đạo sỹ nổi tiếng đương thời. Bức thư

có giá trị nhất là thư gửi vua Tống đòi trả lại ta hai động Vật dương và Vật ác (*Thỉnh hoàn Vật dương, Vật ác nhị động biểu*). Lời lẽ mềm mỏng, khiêm nhường nhưng khôn khéo vạch được âm mưu chiếm đất và sự dối trá của Tống. Ngoài ra còn có các bài *Thảo Ma sa động hịch, Cấm sát ngư chiếu*. Riêng bài *Lâm chung di chiếu* (Chiếu để lại lúc sắp mất) là có nhiều ý vị, biểu lộ rõ phong cách của người viết. Trong phần mở đầu, nhà văn phê phán thái độ quá coi trọng cái chết của những kẻ tầm thường, làm người khác phải hao phí không ít tiền của và sức lực vào những việc ma chay, tế lễ, điều đó không phù hợp với bản tính và sở thích của tác giả. Các phần sau tác giả lần lượt nói qua về thân thế của mình; về triệu chứng mình sắp mất; khẳng định phẩm chất của hoàng tử Dương Hoán, người sẽ nối ngôi, căn dặn viên quan cận thân Bá Ngọc, người được giao trách nhiệm thực hiện di chiếu, và cuối cùng là những lời vĩnh quyết đau đớn với quân thân. Bài văn hé mở cho ta thấy một tấm lòng nhân hậu, cao cả, không muốn lạm dụng địa vị cao sang để phiền nhiễu dân; chỉ muốn trước sau lúc nào cũng giữ được sự giản dị, đạt được ý nguyện "trăm họ được yên", "bốn bể yên vui, biên thuỳ ít loạn".

DU LỊCH NÚI ĐỘI

Đường lên chùa quanh co theo sườn núi thoai thoải, rất thuận tiện cho quý khách tham quan. Từ trên đỉnh núi nhìn ra bốn phía, du khách thấy được cảnh trời mây, non nước xen cảnh làng mạc, ruộng đồng ... đẹp như bức tranh thủy mặc .

Chùa Long Đọi nằm trong quần thể lịch sử - văn hoá mang đậm nền văn minh nông nghiệp lúa nước và trồng dâu nuôi tằm. Chùa còn thờ Nguyên Phi Ỗ Lan (thân mẫu vua Lý Nhân Tông) - một người con gái hái dâu hay chữ. Quý khách có thể thăm khu tích điền với sự tích về Vua Lê Hoàn về đây cày ruộng, khuyến nông; tham quan khu chùa Hạ và làng nghề làng trống Đọi Tam nổi tiếng, cùng khu mộ Trạng Sấn - Ông tổ làng nghề; thăm khu đền Thánh, nơi (theo truyền thuyết trước kia) có cửa hang dẫn quý khách đi xuyên qua núi Đọi đến đền Tỉnh, giếng Bùi, (nằm trong hệ thống 9 giếng, tượng trưng cho 9 mắt rồng, thể hiện quan niệm về thổ ngời linh thiêng của người xưa) .

LỄ HỘI CHÙA ĐỘI

Hàng năm, cứ đến ngày 21 tháng 3 (âm lịch) chùa Đội Sơn mở hội thu hút đng đảo nhân dân khắp nơi về làm lễ, vãng cảnh. Sáng sớm, đoàn rước kiệu đã hành lễ từ chân núi lên chùa làm lễ dâng hương, tưởng niệm Lý Nhân Tông - người có công mở mang xây dựng chùa và thể hiện tư tưởng Phật giáo theo bản sắc riêng của cộng đồng cư dân trồng lúa nước Việt Nam. Sau phần Lễ Dâng hương là các đội tế nam quan, tế nữ quan, tạ ơn Trời - Phật, biểu hiện khá rõ tâm linh, tín ngưỡng của cộng đồng người Việt canh tác lúa nước và trồng dâu nuôi tằm .

Hội chùa Đội Sơn thường tổ chức các trò: Nấu cơm thi, thi dệt vải, bơi thuyền, hát chèo, hát đối, hát giao duyên, hội chọi gà, tổ tôm điếm, múa tứ linh, đặc biệt là đấu vật (đấu giao diệt) và đánh cờ người ... nhằm ca ngợi công lao, tài trí của vua Lý

Nhân Tông, tái hiện cảnh thanh bình của nước Đại Việt với nền văn minh nông nghiệp thời Lý. Ngoài ra, trong phân Hội còn có các môn TDTT, văn hoá - văn nghệ hiện đại khác, góp phần làm không khí Lễ hội tưng bừng, náo nhiệt .

Lễ hội Đọi Sơn là dịp để nhân dân trong vùng và khách gần xa tưởng nhớ về cội nguồn; chiêm ngưỡng di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; hành hương về với Phật, cầu nguyện sự may mắn trong cuộc sống .

THƠ LONG ĐỘI SƠN

Đã có nhiều vua chúa, danh sĩ đời xưa, cũng như nhiều nhà thơ, danh sĩ đời nay đến thăm viếng chùa để lại những vần thơ vịnh cảnh chùa. Căn cứ vào các thi tuyển, cũng như bút tích còn lưu giữ ở chùa và truyền tụng trong dân gian. Đến nay chúng tôi mới sưu tầm, ghi chép được một số bài thơ đáng kể sau đây:

THẾ ĐẤT CỬU LONG

Đâu gối núi Đọi
Chân dọi Tuân Vương
Phát tích Đế Vương
Lưu truyền vạn đại

(Khuyết danh)

CHÙA LONG ĐỘI

Giữa cánh đồng bằng một trái non
Ngôi chùa Long Đọi đứng chon von
Công trình kiến trúc khen ai khéo
Phong cảnh xưa nay dậy tiếng đồn .

(Khuyết danh)

NGUYỄN PHI KHANH (*)

(1356-1406)

TIẾNG CHUÔNG CHÙA ĐỘI

....

Vẳng tự chùa xa tới
Tiếng thưa lọt núi bông
Triều dâng trời đất rạng
Trăng bạc sông mênh mông

(*) Thân phụ của Nguyễn Trãi

ĐÀM CỨU CHỈ

(Thiền sư chùa Long Đọi Sơn)

(995-1067)

TÂM PHÁP

Giác liễu thân tâm bản ngưng tịch
Thần thông biến hoá hiện chư tướng
Hữu vi vô vi tòng thử xuất
Hà sa thế giới bất khả lượng
Tuy nhiên biến mãn hư không giới
Nhất nhất quan lai một hình trạng
Thiên cổ vạn cổ nan tử hướng
Giới giới xứ xứ thường lãng lãng .

Dịch nghĩa

TÂM VÀ PHÁP

*Hiểu thấu thân tâm vốn lặng lẽ
Biến hoá thần thông thành mọi hiện tượng
Hữu vi pháp hay vô vi pháp đều từ đó mà ra
Thế giới nhiều như cát sông Hằng, chẳng thể đếm hết.
Tuy rằng đầy khắp cõi hư không,
Nhưng xem ra, hết thấy đều không có hình trạng
Dù muôn đời nghìn thuở cũng không thể so sánh (với nó được)
(Thế mà) chốn chốn nơi nơi nó thường sáng tỏ .*

Dịch thơ

Hiểu thấu thân tâm vốn lặng trong
Thân thông biến hoá hiện vô cùng
Dù "vô" dù "hữu" từ đây cả,
Thế giới hà sa đếm khó xong
Khắp cõi thái hư đều chập ách,
Xem ra hình trạng thấy đều không
Muôn đời vạn kiếp bì sao được,
Chốn chốn nơi nơi sáng lạ lòng.

Trần Thị Băng Thanh dịch

NGUYỄN BÁO
(1439-1503)

LONG ĐỘI SƠN

Giao tâm giác lộ ⁽¹⁾ trác nha, phi
Vạn lý sơn hà trĩ lập thi
Phẩm tảo tăng kinh Chiêu Miếu ⁽²⁾ bút
Hoang đường mạn ký Lý triều bi

⁽¹⁾ Giác lộ: Đường giác ngộ, là thuật ngữ nhà Phật, ở đây ý thơ nói việc đến thăm cảnh chùa trên núi Long Đội.

⁽²⁾ Chiêu Miếu: Vua Lê Thánh Tông táng ở Chiêu Lăng nên Chiêu Miếu chỉ Lê Thánh Tông, có bài thơ khắc sau tấm bia chùa Đội.

Thương yên diều diều linh cù trập
Bích lạc du du quyện diều trì
Vũ trụ vô phương thiên thuỷ thoát
Diếu nhiên tâm thượng động hà ti (tư)

Dịch thơ

NÚI LONG ĐOI

Chùa núi từ xa đã tới nơi
Đứng nhìn muôn dặm nước non phơi
Lý triều bia tạc lời hoang đản
Chiếu Miếu thơ bình bút thành thời
Rồng cuộn khúc thiêng nằm vực thẳm
Chim bay cánh mới chạm ngang trời
Bao la vũ trụ trời dầm nước
Vời vợi trong lòng nghĩ mãi thôi

Nguyễn Thanh và Trương Sĩ Hùng dịch
Theo Nguyễn Bảo - Nhà thơ danh nhân văn hoá
Bùi Duy Tân - Nxb Văn hoá 1991

LÊ THÁNH TÔNG
(1442-1497)

**ĐĂNG LONG ĐỘI SƠN ĐỀ BẢO THÁP BI HẬU
SÙNG THIÊN DIÊN LINH**

Dư báí yết sơn lãng, lộ kinh sơn tả toại đấng
lãm yên, tiêu Lý triều sự đản chi quân thần, ta
quốc bộ tăng kinh ư binh tiền, nhân lưu nhất luật
vu hữu âm văn :

Thiên nhận tăng loan cổ hoá thành
Phan duyên thạch đấng khấu thiên quynh
Lý triều quái đản bi không tại,
Minh tặc hung tàn tự dĩ canh.
Lộ thiếu nhân tông đài giáp lục,
Sơn đa xuân vũ hiểu ngân thanh
Đấng cao nhãn giới vô cùng trú
Vạn lý mang mang thảo thụ bình .

Dịch nghĩa

LÊN NÚI LONG ĐỘI ĐỀ SAU TẮM BIA BÁO THÁP SÙNG THIÊN DIÊN LINH

Ta đi bái yết sơn lăng, có đi qua mé tả ngọn núi, bèn trèo lên ngắm cảnh, cười vua tôi nhà Lý thờ việc quái đản, than đất nước gặp buổi can qua, bèn làm một bài thơ dưới đây:

*Ngọn núi cao ngàn nhận, hoá thành xưa ⁽¹⁾
Men vin bậc đá núi lên thăm cửa chùa
Vua Lý hoang đường tắm bia còn đó ⁽²⁾
Giặc Minh hung bạo, chùa đã đổi thay
Đường ít dấu chân người (nên) rêu phong xanh biếc,
Núi nhiều mưa xuân (nên) vệt cháy đã xanh rờn
Lên cao tầm mắt vô cùng sáng tỏ
Muôn dặm mênh mông cỏ cây (một vùng) phẳng tấp.*

*Nguyễn Hữu Mùi, Phạm Văn Thắm
Dịch nghĩa và hiệu đính*

⁽¹⁾ Nhận: Đơn vị đo chiều dài thời xưa, mỗi nhận dài 6 thước 4 tấc 8 phân ta. Hoá thành: Một từ chỉ chùa, có xuất xứ từ Kinh Pháp Hoa. Nguyễn Phi Khanh có bài Hoá Thành thân chung cũng chỉ chùa Đọi Sơn.

⁽²⁾ Việc quái đản: Chỉ những chi tiết hoang đường khắc trong bia.

Dịch thơ:

ĐỀ BIA CHÙA ĐỘI

Thành hoá chon von núi một dây
Leo qua đèo đá viếng am mây
Chuyện kỳ vua Lý bia trơ đó
Tội ác giặc Minh vết phá đây
Đường vắng chân người rêu biếc phủ
Xuân nhiều mưa núi ngấn xanh dầy
Lên cao tầm mắt nhìn càng rộng
Muôn dặm mênh mông cỏ lẩn cây

*Bản dịch của
Hoàng Việt thi văn tuyển*

BÙI DI

(1833-1895)

ĐĂNG LONG ĐỘI SƠN ĐỀ TỰ BÍCH

Thiên hạ quần long tác đội phi
Sơn dung vạn cổ bích y y
Hoàng Lê tất đạo hoa không lạc
Tiên Lý bi văn tiên tự phi

Thu thủy thương mang phù nhất điểm
Giang lưu khúc triết bảo tam vi
Thâm thâm trúc mộc tăng phòng tiểu
Phát thạch khan vân tọa thủy vi

Tốn Am thi sao

Dịch xuôi

LÊN NÚI LONG ĐỘI ĐỀ THƠ VÁCH CHÙA (*)

Dưới trời, đàn rồng cụm thành đội mà bay
Từ muôn đời, sắc núi vẫn y nguyên màu biếc
Trên đường dọn quang để vua Lê ngự, hoa uốn rụng ⁽¹⁾
Tấm bia của tiên thời Lý, rêu phong đầy ⁽²⁾
Giữa cảnh nước thu mênh mang, núi nổi lên thành một cái chấm
Dòng sông uốn khúc bao bọc lấy ba mặt núi ⁽³⁾
Phòng sư nhỏ bé nằm sâu trong lùm tre
Phủ đá ngồi trên lưng chừng núi ngắm mây .

(*) Núi Long Đội; Tức núi Đội, thuộc xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Trên đỉnh có ngôi chùa cổ lớn tới trăm gian xây từ thời Lý. Cuối thời Trần, giặc Minh kéo tới phá chùa tháp, đánh đổ bia, đến đời Mạc mới dựng lại (Xem tiểu sử Đàm Cửu Chỉ cùng sách) .

(1) Đời Lê, vua Lê Thánh Tông đã lên đây đề thơ.

(2) Vua Lý Nhân Tông (1072 - 1128) đã cho mở mang chùa và dựng Bảo tháp Diên Linh có bài ký khắc vào bia, văn tự dùng toàn lời nhà Phật.

(3) Sông Châu Giang chảy gần chân núi

Dịch thơ:

Quần quýt bầy rồng dáng lượn bay
Vẻ non vẫn biếc muôn đời nay
Bia ghi triều Lý rêu phong kín
Đường đón vua Lê hoa rụng đầy
Làn nước mênh mang một chòm nổi
Dòng sông uốn lượn ba bề vây
Phòng sư thấp thoáng trong vòm trúc
Phủ đá sườn non ngói ngấm mây .

Nguyễn Văn Huyền dịch

NGUYỄN KHUYẾN

(1835-1909)

THĂM CHÙA ĐỘI (*)

Đồng bằng mọc núi lạ lùng thay
Lầu gác lô nhô bóng xế tây
Mười dặm đường dài còn vẻ biếc
Lưng trời chim mỏi trở chiều bay

(*) Khi Nguyễn Khuyến còn làm quan

Cây bông xóm mọc xa xa thấy
Mắt loá phong trần bước bước ngay
Cái thú trên non chùng vẫn có
Bên mây đứng đỉnh một sư thầy .

NHỚ CẢNH CHÙA ĐỢI (**)

Già yếu xa xôi bấy đến nay ^(a)
Làng chơi loang loáng ^(b) lại buồn thay!
Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá
Sư cụ nằm chung với khói mây.
Dặm thế ngô đầu tầng trúc ấy,
Thuyền ai khách đợi bến đâu đây?
Chuông chưa vắng tiếng người không biết ,
Trâu thả sườn non ngủ gốc cây.

Tác giả tự dịch bài

"Úc long Đợi Sơn II"

(**) Khảo dị: Khi đã cáo quan về thăm lại

^(a) Già yếu xa xôi mấy cũ nay

^(b) Làng chơi lũng thũng lại buồn thay

NGUYỄN LƯỢNG

(Nhà thơ)

LÊN CHÙA ĐỘI NHỚ NGƯỜI XƯA

Sừng sững non cao giữa cánh đồng
Xanh xanh nước biếc dưới ngàn thông
Đội Sơn dựng tháp Diên Linh Tự
Bia đá đề thơ Lê Thánh Tông
Vua Lý xây chùa cầu việc thiện
Đại Hành cây ruộng khuyến nghề nông
Phi Khanh thốn thức hồn non nước
Nguyễn Khuyến ngâm nga giải tác lòng .

HỎI THĂM NÚI ĐỘI

Hỏi thăm núi Đội ở nơi nao
Rừng phúc rừng duyên dạo gót vào
Ngọn tháp Diên Linh xinh đẹp nhỉ
Nét bia Phạn tự lạ kỳ sao

Sông Châu núi Đọi còn ghi ấn
Nhà Lý rừng công cũng lớn lao
Mới biết có người nên có cảnh
Tháp cổ ngàn năm núi lại cao.

Hoà Thượng NGUYỄN ĐỨC NGHIÊM
(Nam Định)

CẢNH CHÙA ĐỘI

Lúc hội rồng mây, lúc vắng teo
Âm u một khoảnh tí trên đèo
Dấu thơm lòng lầy tranh khôn vẽ
Hương ngát uy nghi tiếng mãi reo
Sườn núi rừng thanh cây chen chúc
Giữa dòng bể thích nước trong veo
Bồng hồ lãng uyển đây chăng tá ?
Du khách ngỡ ngàng gió cuốn theo .

Lê Phương

PHONG CẢNH NÚI ĐỘI

Phong cảnh xa trông nhỏ tí teo
Tới nơi bát ngát một phương đèo
Chuông vàng trên gác chiều vang vọng
Đá trắng sườn non rêu mốc meo
Trên núi linh cầm thông bát ngát
Dưới sông ngư phủ gió vì vèo
Bốn phương nô nức đâu là chẳng
Một bước cao trông, một bước trèo .

Bùi Văn Di

大越国当家第四帝崇善延龄塔碑

龙队山字崇善延龄古塔碑

御书飞白碑额

夫妙体玄寂，灵光含，非中非外，卓尔于五太之初。
大甲紫源，浩博兮，唯形唯显，森然于一窟之奥。
白兆朕可测，靡影迹可求，包天壤广大之容，谁能
参观，混日月光华之影，宁假寻观，虽于近造，化机
机，彼端怒在，纵能荡阴阳舒豫，秘重倚幽，岂非
玄寂歟，上下人纪，细既，地垣之规，楔中六，川亭，
而玉烛调，七政奉而璇玑运，象当万类，必推象得
生主由是著名，崇善以是遂性，亦白紫滋乎，如此
逸机笔解，原始要终，不亦准哉。

唯我大雄氏，中古应运，西乾显灵，完五千之威
仪，兴用八之妙相，十号备具，百福庄严，究彼揭以
朋，质纯粹，悼群生之醉，愚因类之迷，真，夫中
忘安而不自知，萨冥机，此亦非警悟，由是投履
翻之妙教，任积岁之饥，燃灿灿之明灯，赫
弥牟之昏暗，俾浪心之天真得定，覆妄怙性
之蓬行立安，故三界皈依，十方回向，信十

Một đoạn chữ ở bia đá Chùa Đột

BIA CHÙA ĐỢI

Phiên âm

**ĐẠI VIỆT QUỐC ĐƯƠNG GIA ĐỆ TỬ ĐẾ
SÙNG THIỆN DIÊN LINH THÁP BI**
LONG ĐỢI SƠN TỰ SÙNG THIỆN DIÊN LINH BẢO THÁP BI
Ngự thư phi bạch bi ngạch

Phù diệu thể huyền tịch, linh quang hồ, phi trung phi ngoại, trắc nhĩ ư thái chi sơ, đại dụng phồn tú, hạo bác hê, duy hình duy hiển, sâm nhiên ư nhất hư chi lý, vật triện trăm khả trắc, mị ảnh tích khả cầu. Bao thiên nhượng quảng đại chi dung, cự năng tham cận, hỗn nhật nguyệt quang hoa chi thái, ninh giả tâm quan, tuy cán vận tạo hoá khu cơ, bỉ đoan nhiên tại, tủng thôi dăng âm. Dương thư dự, bí yếu thiên u. Khởi phi huyền tịch dư? thượng hạ chi kỷ cương ký lập, diên thực chi quy mô duật hưng, tứ tự hành nhi ngọc chúc điều, thất chính tề nhi toàn cơ vận, tạp đạp vạn loại, từng toả chúng duyên. Sinh sinh do thị trú danh; xuy xuy dĩ chi toại tính. Bất viết phồn tư hồ? như thử tán cơ hoàng biện; nguyên thủy yếu chung, bất diệc nam tai !

Duy ngã đại hùng thị, trung cổ ứng vận; tây
kiên hiển linh hoàn tam thiên chi uy nghi, hưng tứ
bát chi diệu tướng. Thập hiệu bị cụ, bách phúc
trang nghiêm, cứu bỉ tinh vi, minh tư thuần túy,
điều quần sinh chi túy thức, ố tứ loại chi mê chân,
y trung vong bảo nhi bất tự tri, kiếp lý tàng xà diệc
phi cảnh ngộ. Do thị thiết đề hồ chi diệu giáo; ốc
tích tuế chi cơ hư. Nhiên sán lạn chi minh đăng;
chúc di niên chi hôn ám. Tỳ lãng tâm chi thiên
chân đặc định; khiến vọng tính chi bỗng hạnh lập
an. Cố tam giới quy y, thập phương hồi hướng, trụ
trần thế thất thập cửu tuế quyền thiết pháp bát vạn
thiên môn, tích vị ký hợp trần, thân minh tùy tịch
huyền. Toại nãi kim dung yếm sắc ư song thụ, bạch
hồng đằng diệu ư trùng thiên. Đâu la miên khoả kỳ
thân tư; tử lan cao nhuận kỳ hương thể, tín tâm
luyện mộ phụng chiêm đàn nhi tác tân; giác tính
linh thông. ứng đồ duy nhi hoá hoá. Đồ tỳ yên liễu,
xá lợi ngưng thành. Loại minh nguyệt chi sản bạng
thai; tiểu lộ chân chi oánh kim chuông, hoặc ngũ
thái nhi chiếu diệu hoặc cửu sắc nhi trừng triệt.
Doanh bàn mẫn học; dị tục siêu phạm. Nhân chủ
long vương; âm gian thiên thượng, thần tất tháo

tập; giác tướng phân biểu, trần tích dĩ bảo hàm trọng trữ; thận thủ tắc đồ nhận kinh tuần. Các trạch kỳ an; my thường quyết sở; hoặc hương sơn đỉnh thượng, nhân thế trần trung, hoặc triều dã không gian, thương minh cung lý, đồ ba cạnh phan thân vật cao tàng, duyên cổ xử kim, lịch truyền võng thế, hưng công kế tích, bất diệc thịnh dư?

Cung duy lý triều thánh hiến thể đạo, thánh văn thần vũ, anh cách dân vật, vạn linh chiếu ứng vĩnh long nguyên hoá, thông minh quảng vận, nhân trí ý nghĩa, thuần thành minh hiếu hoàng đế bệ hạ, kham dư chung tuý, nhật nguyệt trừ tinh, khánh triện tiên phù, hưu chung dự khái, phụ hoàng nhập mộng, thù bang kiến tuyết tượng lục nha; mẫu hậu hữu thần, phi các ám hoàng long ngũ thái, tư tắc bệ hạ nhập thai chi triệu dã .

Cảnh tinh oánh hiện, ngân hà ứng mi nguyệt chi quang; khánh vân hiển phi đan bệ thư sương tiêu chi thái, hỉ khí nga đằng ư tiêu hán; dị hương tán ái ư cung vi, thập nguyệt xử thai nhi chu kỳ; tam dương kiến dân nhi đảm thánh, tư tắc bệ hạ giáng dẫn chi trung dã .

Điệu tuế nhi phủ dăng đại bảo, thiên hạ tương phù, thăng y nhi thống, ngự hoàn khu, ngân thân hàm tán, long tình phượng mục, ngọc khiết băng tư. Mấu trùng nhi thanh bạch phân minh, dị trùng đồng ư thuận đế; nhĩ thọ nhi lân quách tu quảng, xuy tam lậu ư hạ vương, hình kỳ nhi trường, túc phương nhi hậu. Ngọc Lý hàm kỳ nhuận, châu đình diệu kỳ hoa. Thành thiên tải chi anh minh, quán bách vương chi kỳ tú. Tư tác bệ hạ thiên biểu chi đoan nghiêm dã .

Huệ chu động thực, trí mẫn phong vân. Nội điểm kinh thư, tinh cùng huyền yếu, ngoại quyền pháp thuật, tổng tất chỉ quy. Đào kim thạch chi anh từ, quang thôn đầu cực, trứ điện tháp chi gia hiệu, huyền chiến cổ kim, tinh phi bạch dĩ thông thân, vận ngự hào chi tuyệt diệu. Long được phượng tường chi thể, pháp tông ngọc thủ, loan hồi thước phản chi hình, thể xuất thần tâm. Điều kim bài dĩ trí phạn cung, thuyên thúy chân dĩ di đạo quán. thi tứ toàn đào quân vạn hoá, nhạc phổ hoà đường phạn đồng âm, thư cùng cứu ư huyền cơ, xạ chí tinh ư diệu thuật. Tư tác bệ hạ bác thông ư tài nghệ dã.

Trung thu thanh cảnh, vạn vụ hưu thời. Hiếu thành triển nhi khiết trần tu, thịnh lễ trần từ thánh khảo. Phục ư tam đán, đại khái giá nghi. Thừa ngọc liễn nhi xuất cửu trùng, trắc kim lộ nhi trì hoàng đạo. Trĩ phiến ủng ư lưỡng tế. Ngân vống hộ ư tứ vi. Hoàng cái phù không, thái kỳ tuệ nhật. Tinh trì liễu mạch, đầu chuyển hoa cù. Hương trường lô chi bích xuyên. Ngự Linh quang chi bảo điện. Thiên sư nhi trung lưu điện tốc, vạn cổ nhi dật thủy lôi minh ngọc lang yển phương bá chi hội đồng, đan bệ tấu tiên lại chi chương biểu. Ba tâm dăng dạng, phù kim ngao dĩ phụ tam phong, thủy điện di do, lộ giáp văn nhi phú tứ túc, chuyển mâu miết ngạn, nhạ khẩu phún tân. Hương miện lưu nhi ngưỡng quan, đối đương không nhi phủ sát. Vọng ta nga chi tiểu bích, tấu dương dật chi vân thiêu. Động hộ tranh khai, thần tiên cạnh xuất. Cái thiên thượng chi nghệ thái, khởi trần thế chi kiên, tiêm thử dĩ biến hồi chuyên tần thủy mi nhi ca hữu vận. Trần cầm tác đội, tận xuất vũ dĩ xu thương, thuy lộc thành quần, tự trước hàng nhi dừng dục. Cặp kim ô tây chiếu bảo lộ tương hoàn. Đáo như để chi đồ trung. Lưu quảng thiên chi cảnh ngoại.

Hương sùng đài nhi hồi lục địa, bội bị phụ dĩ tải tam sơn. Đối chu bàn nhi chiêu đầu, tương an thân nhi duệ vĩ. Cưu quá vân nhi liêu lượng, hổ hạ đấng nhi sinh linh. Phấn tấn hùng uy, phệ khiết tiểu thú. Hội thượng lâm đệ tử. Trì dịch vũ chu can. Lệ thanh khu dĩ tiến đế tiền, trúc trường phổ nhi thủ nạp giới. Loan hồ xu xạ, bạt kiếm trì tuần. Nhân phấn dũng ư phiếm thân, sĩ tranh nghênh ư đương nhật. Hoài lân quốc nhi hê kỳ đế ấu, lai liệt thổ nhi đấng duệ duyên tường. Chúc mục quan quang, Kiều tâm nguyệt kiến, xứ xứ chi tận trang la ỹ. Niên niên chi tam nhật hoan ngu. tê nhân thế ư Hồ thiên, trí triệu dân ư lạc quốc tư tắc bệ hạ bát lãm nhi tân chế kim ngao dã .

Hiển thánh mưu chi thần diệu, chế ngự bách chi tinh kỳ. Trước trạng thiết liên hạm tráng hùng, lập cách tạo thiên sư tú lệ. Giá trùng tiêu chi lâu các, sùng nguy tiểu chi thêm doanh. Trung nghiêm phủ toạ di cao, khoát thông duệ minh chi hà giám, bàng triển tú lê quang sán, quảng liệt tân thể chi thân bồi. Khuynh vạn bảo dĩ nghiêm trang, bị tam cung chi phòng ốc. Trung lưu hiệu dạng, nghi thân thổ dĩ hoành ba, ổi ngạn văn đình, nghĩ

ngao kinh chi tủng hán. Tư tắc bệ hạ tân chế độ
chi xảo dã.

Quảng vận thần công, hoàng suy thánh đoán.
Tinh tu thắng sự, cần chí lương duyên. Kiến quảng
chiêu chi đặng đài, hướng đoan môn chi đình
thượng. Trung tiêu nhất cán, ngoại thiết thất tầng.
Cù cung xuất nhi bồng kim liên, phùng sa lung
nhi hộ lan diệm. Uẩn cơ vi ư địa hạ. Viên chuyển
như luân, thước quang thể ư thiên trung, oánh
hoàng tự nhật. Phục hữu nghiêm chương bảo
thánh, kim điện bảo tủng, Tự duệ ý trang thành,
toạ kim sắc tương đấu. Trạng tả linh văn, hình phô
kỳ lệ. Hựu hữu hoa lâu lưỡng toạ, quản di kim
chung. Khắc thích tử nhi thể quải điền y. Vận u cơ
nhi bá chùy như kích. Văn minh sao nhi túc nghi
chuyển diệm, đồ anh thánh nhi khể thủ hồi cung.
Xuất tự duệ mưu, uyển như động tĩnh. Phục hữu
diệm thất bảo chi tuy đồ, tác nhất hàng chi hồ bài.
Đoan trung tắc hoàng kim nhất phong, toạ Đa Bảo
Nư Lai chi thuy tướng, liệt kỷ tầng pháp giá chi
chân hình. Thiêm quang thước thần húc chi huy,
ngoã sắc khai bích vân chi thái. Kỳ thứ, tắc bạch
ngân nhị toà, tả trí A Di Đà chi chân dung, hữu trí

điều sắc thân chi tuý chất, tiểu thư hùng thế, kiên
phấn phi manh. Linh lung khí thuy tuyết chi dung,
xán lạn đoạt thu thiêm chi khiết. Cánh thứ, tắc
điều văn nhì toà, Tả an quảng bác thân chi từ
nhân, hữu bị Ly bố úy chi diệu tướng. Ký dĩ viên
cao các, hựu cánh khởi nguy tàng. Cái diệt tố
quỳnh, bích thuyên long trạng. Hựu thứ, tắc tượng
xỉ nhĩ toà. Tả hy cam lộ vương chi hình nghi, hữu
nghiêm Bảo thắng Phật chi tuy mục. Thiết tha tố
chất, sùng giá sương doanh, phi lãng điều duyên
ngọc chi anh, gián khích tiền quân tê chi giác.
Kiêm tinh chế ký từ chi mỹ, các thuyên vu liên tọa
chi bàng. Phi tuyết tinh thành, vĩnh chiên quyết
hậu. Nhi hựu tả cứu thiên dĩ ngũ sắc, khắc tứ trụ dĩ
song huyền. Duyên biên nhi oánh điểm thiên
đăng, lưỡng diện nhi luyện trang kim thái. Khả vị
tuyệt cổ kim chi chế độ. Siêu tạo hoá chi sinh
thành. Khuynh thiên hạ chi ung hoà, dạ vi trú
thưởng, sùng thế gian chi tâm mục, lão hoá
đồng nhan. Tư tắc bệ hạ xảo chí thắng duyên chi
công dã .

Tích Sùng Hoàng giác, đốc mộ thắng nhân,
hướng tây cấm chi danh viên, xưởng Diện hựu chi

quang tự. Tích tông tiên chi cự thế, xuất thánh ý chí tân mưu, Tạc Linh. Chiếu chi phương trì, nhi trì trung dũng nhất thạch cán. Cán thượng phách thiên điệp liên hoa, hoa thượng nhi kiều an cam diện. Điện trung tọa kim tướng chi năng nhân. Trì chi ngoại chi nhiều hoạ lang, hoàn lang chi ngoại hựu sơ Bích Trì, mỗi giá phi kiều dĩ thông chi. Tiểu kiều chi đình, tả hựu phạm lưu li bảo tháp .

Dĩ nguyệt chi sóc đán, dĩ niên chi du xuân. Thân thi ngọc liễu, lai khái thanh diên. Hoa lương thiết kỳ tộ chi nghi, bồn quán trần dục Phật chi thức. Trang tinh cấm chi tướng ư ngũ chúng, hoặc thái lộ tiến thoái dĩ vi dung, tác thiên vương chi đội ư tứ phương, tề kinh khí bồi hồi nhi hiển vũ. Tinh cần mị đãi, kích phụng di thân. Nhi huyền tạo linh thông, hàm giai phù hựu. Tư tắc bộ hạ chế phạm sái dĩ kỳ phúc thọ dã.

Thượng phương thủy cũng, hạ chính bật lân. Ngẫu bỏ lại chi canh thường, thành quai vi chi hữu hấn. Tinh trì ngự địch, lôi phấn toả uy. Ung Châu quân chi chúng ức thiên hội hỹ do phong quyền ế. Như Nguyệt giang chi sứ bách vạn, hoán nhiên nhược nhật tiêu băng. Tại Khổn ngọc chi tướng tự

thi, khởi thần trung chi mưu sở quyết. Kỳ hậu trí
hoàng cực ư mục thanh, tê sinh dân ư phú thọ.
Phiến nhân phong dĩ hoá suất, thi huệ trạch dĩ
bàng tuyên. Xạ chế Hoàn vương, từ cung thất nhi
xu đình vi thứ, La Vu quốc chủ, khí sơn hà nhi
nghệ khuyết xung thân. Đốc ý mộ chiên, khuynh
hoài tựu nhật. Khoảnh giả Ma Gia Sa man liệu thị
hiểm giang sơn. Lang khoáng sinh tâm, bất tuần
hoàng hoá. Thánh tắc nhất nộ, đại giá khái hành.
Mãnh tướng vân tuý, mưu thần vũ hội. Bó sư lữ ư
hoang dĩ, tập hiêu cánh chi ngoan dân. Tận tù
tướng thành cầm, đại khôi cừ phu lỗ. Kỳ dư tắc
huyết cao thảo mãng, nhục uỷ lâm tuyên. Túng
hùng nhi ách thử hê nan, phiên cự thạch nhi toái
noãn hà dị; tư tắc bệ hạ diệu vũ thông quy dã .

Kiểm lê ly hợp, triệu thứ thanh di. Xuân cận
phụng tham, thu triều thuật chức. Hội phượng
quốc ch hầu nhi yến thưởng, cấu chúng tiên tam
cấp chi bảo đài. Ngân ngoã diệt nhi quang chiếu
khung môn, kim liên lữ nhi phô trần bảo tướng.
Thượng đỉnh tắc linh cầm tung lập, tứ lãng tắc lân
trường cạnh nhượng. Cái sức thất trần, đối trang
bách bảo, thượng giai chí vị nhi thánh minh đoạn

củng, trung cấp hạ đẳng nhi tiên kỹ hồi hoàn. Đình liệt nhạc quan, tịnh giai đạo dục phấn thiên tài nhi thành diệu khúc; uỷ quần tích nhi viễn hoàng phong. Lãng không nhi thanh át hành vân, hoà quản nhi hưởng tư duệ ốc. Tư tắc bộ hạ tu văn chí đức dã .

Vi thiên địa chi chân chủ, cứu tạo hoá chi u cơ. Vận trí biên thông, hiển mưu sung tác. Tinh ngoại phương chi âm hưởng, dịch chư kỹ chi yếu đoan. Tác diệu vũ chi tuyệt luân, thị xương kỳ chi đồng lạc. Phục chế giáng vân tiên tử, nhi ca thanh liệu lượng, tán triết hậu chi nguyên công, xuất liên bảo vụ nhi nhược chất biên thiên, khánh thâm nhân chi mỹ hoá. Tư tắc bộ hạ chi diệu toán dã .

Đức đồng cao hậu tác ngũ vĩ chiếu phù, huệ cập phi tiêm, tắc vạn linh tiến chỉ. Thân long nhi cửu, quang phục ư bảo điện quỳnh đan, tuyết tượng nhất thiên, hộ trình ư dao trì cấm ngự. Chương đai bảo chi khả cửu, phù thuận hồ chi ưu long. Cố lâm hà kỳ tư, thiên chiêu linh trạng. Phục hiện thần tượng nhất đầu. Hình chất nhi khôi ngộ dị đẳng, ty ngạch nhi diệu hiển thân quang. Nghiệm văn thái nhi thanh tịnh hữu trừ, bảm

thông minh chi chiếu chương vô ngoại. Ngự hiệu viết: "Siêu quân thân tượng" Ưu đàm biên phương, xá lệ ngọc hiện. Thảo mộc hiệu chỉ, thân vật thư quang. Yết tứ mỹ vô cúng, thị thủy hồng hữu khánh. Linh thảo lưỡng hiện, hạo lộc lục trần. Tố chương độc lai, huyền thư song chí. Chiêu trường thừa thượng đế chi mệnh, khế vĩnh bảo mấn thiên chi hựu. Phận cử trình nghiên, biên biên hiển lệ. Quy ngũ sắc nhi thiên điểm, liên lưỡng kính nhi nhất hình. Trạch cập uyên tuyến, vật phương tiến thủy cảm lê manh chi ninh bật, chiêu xã tác chi ích long. Nguyệt trùng luân ư tầng tiêu, kim thái phát ư u giản. Minh chiếu lâm ư hữu tiệt, chương tế đoán ư vô ngân. Cố thiên tượng hiện tường, u nguyên tiến chỉ, tử tân cô cán, phồn trường linh miêu, mâu chúng quốc dĩ vệ trung bang, loại phổ thiên nhi phù nguyên thủ. Thần quang cứu thập, tiết giới ngũ dương. Thử biến sương mao, từng sinh yển cái, nghĩ hạc sào nhi tiến dị, kỳ ngọc thố di chiêu phù. Hiệp hoàn hải chi yển thanh, khí triệu dân chi tập mục. Quỳnh cư bạch tước nhi lữ tập, tố duật ngọc long nhi thủy trình, thư khiết tịnh chi dung nghi, hiển duy tinh duy nhất, cách chân

thường chi cự chất hiệu khắc khoan khắc nhân. Chiêu dao luân tinh bạch ký sinh, cự nhu mao tinh vinh ngư hiện. Quân nhận tập nhi quan quang suất hạ, mãnh hổ hoạt nhi hiển thế úy uy. Phượng tử thành song, thuy tuyết thâm tích. Phiêu tố anh chi doanh xích, trung nhất thế chi tam đấng. Xước dị trạng chi cửu bao, trước thành hàng chi quân lộ. Bạch từ ô chi cạnh chí, hạo học dự dĩ tranh tường, "Chương" phản bô chi tinh cần, cảm chí hiếu chi thuận hậu. Niệm kinh chung trực nhi phi sắt, chúc thánh vạn tuế nhi định thường. Tân lang hàm châu, dương chi sái ngọc. Nhiều cửu long chi bảo, trinh đoạt hảo châu, trường phồn kỳ chi tư tường siêu dị mẫu .

Ý phù thừa thiên địa hồng hươu, thiệu tổ tông cánh mệnh, ngũ thập dư niên nhi thống hoá, bách thiên chư hạ dĩ khâm uy. Vũ dương hợp thời, tinh thần thuận độ, thường niệm nông vi thủy bản, chính tất thượng tư, tuy tuế tuế cung hành, ý tư tư bất đãi. Thời tường hội đại khánh cửu niên hạ ngũ nguyệt nhật, giá phi tiên chi phượng liền, dạng diệu bảo chi long chu. Nhật lệ ba bình, triều hồi yên liễm. Lịch Hà - lô chi trường phái, kiến Long

- lĩnh chi lâm nhai. Tuy tủng thế lân tuân, đáo
đỉnh đoan binh thảo. Sư nghĩ sưu ngạn dĩ duy lã
chiếu hộ giá chi quân liêu. Nhị vị chi viết: "Trãm
dĩ tư sơn nhi kinh doanh phạn phúc khả đắc chi
hồ?" Tả hữu tương suất nhi tâu viết: "Văn hương
lão sở truyền tư sơn thường dĩ xuân phẩm đán
đàm, hằng vũ dĩ nhuệ kiềm lê. Nghi khả thi công,
sùng thành thiện quả". Kiến thỉnh thự kỳ sơn viết
Long đội. Thánh tinh doãn khả, nãi mệnh nhật giả,
dĩ biện phương hướng. Diện đối kinh, giang phong
lĩnh nhi trường thư bích luyện, bối phân Điệp tự,
vũ tiêu nhi nùng đoan ích quang. Hữu khống bình
nguyên, vọng kiên hưng chi cổ tiệm, tả diên lưu
khoái, hoàn Hán thủy dĩ triều tông, tái chiếu công
thâu, trung phân thảng mặc. Thi tài dĩ minh công
đức, cố dân tư kiệt lực lâm hành, vận tài dĩ tận
thần kỳ, cư công xảo thành thành quần tượng. Lũ
trình mâu nhi tác đấu, trác thủy vũ dĩ vi doanh.
Dũng sóc hán chi thập tam tầng, khải thừa phong
chi tứ thập hộ. Bích thuyên long quật, giác quả
kinh linh, thượng tầng giam xá lệ lang hàm, trử
phóng tường quang ư thịnh thế, tuyệt đỉnh trí bổng
bàn tiên khách, trường thừa ngọc lộ ư tình thiên.

Hạ tầng phân bát tướng khôi ngô, ủng lập tác thân nhân trượng kiếm. Kỳ trung tọa Đa - Bảo Như Lai chi thuy tướng dã, hoàng thâm nguyện lực, minh dẫn toàn thân. Chính liên kệ nhi tất sậu linh uy, dữ già vãn nhi bán phân dao tọa. Quả châu phạn chi hoảng diệu, huyền bảo cái chi linh lung, giai đình thăng giáng nhi hữu sai, lang vũ tả hữu nhi song dục. Thứ bỉ, tả kiến tứ giác nhi trấn địa, phụ bát tướng dĩ triều thiên. Dương khí khái ư danh sơn, bá thánh công ư hậu duệ. Hữu phạn phương kiều khám thất, trữ dĩ tân đầu hoà thượng phóng vu Ma - lê sơn thụ chúc luỹ ư Như Lai. Vị chứng sinh nhi chứng phúc. Hạ cấp, tiên cấu lãng - hán các, huyền Thú - Sơn chi đỉnh khí, mi bích hải chi kinh chuy. Quá thời vận dật ư thiên trình. Vãn xứ kiếm đình ư khổ thú. Hoàn viên dung dĩ nghiêm hộ, trữ hiên vũ dĩ phô trang. Tọa kiều quang khái kỳ thông cù, nghệ tùng thành hành ư lưỡng giới. Kiệt tinh thành dĩ sùng diệu quả, hy hiện lịch số di trường tân, cùng quý chí dĩ điệp nguy tầng, ký ích duệ linh chí di viễn cố ngự đề viết: Sùng - thiện Diên linh tháp. Kỳ tháp kinh thuy ư hội tường Đại khánh cửu niên chi hạ, tất công ư Thiên phù Duệ

vũ nhị niên chi thu. Nhân thời khích nhi hưng
doanh, đãi phong đấng nhi thiết lập. Lịch ư tam
canh tứ nãm nhi hậu hoàn yên. Cập khánh thành
dã, sắc phụng thường dĩ chỉnh giá, cảm phong bá
dĩ thanh trần. Trầm đàn vụ chức ư Khê sơn, chàng
phan hà lạn ư nhai đạo. Cổ chung huyền phí, nạo
khánh banh oanh. Tiền đạo tam bảo vân xa, hậu
triển nhất nhân kim lộ. Khuynh lục cung chu thủy,
lai vạn quốc kỳ đồng. Hoa vũ tiên hoành. Thức -
đài trung xưởng. Hội phương bào chi khiết hạnh
diễn giác đế chi chân thuyên. Anh thánh ngưng
lưu, trữ kê chung nhị kiêu khứ thành tảng, tiên cơ
liễm duệ, thính trực tận nhi hiến vũ cung tô. Tụng
tuyệt lập chi hương trai, ốc sung cơ lữ, tán tuyền
lưu chi viên bảo, chu chấn cùng manh. U hiển
hàm trần, thiên long tất tháo. Dĩ tối thượng công
lực, vô biên phúc điền, ích tán hoàng cương, đấng
viên phương nhi cộng vĩnh, tương kỳ bảo vạn, dữ
nhật nguyệt nhi trường thanh. Tảo đản nguyên
thần, vĩnh ứng lịch số. Kỳ bản chi bách thế, ký xã
tác ức linh. Thảo yển đa phương, quỳ khuynh vạn
quốc. Thân dân ái đới, tổ khảo khuông tì. Thần
đạo minh phù thiên nhân hàm tán .

Thái tổ, thái tông, Thánh tông hoàng đế, ký định hoàn doanh, đập thẳng tiêu hán, bằng tư thẳng lợi vĩ nhiếp kim liên, Hoàng tử phù thánh Linh Nhân hoàng hậu, Yến cư nhân thế, cao ngự yên hà, mộc tử lương nhân siêu sinh tịnh độ. Đại phạm chư hầu Vương cung phi đẳng, tinh lệ u trình nhiếp hoà nội trị. Di triển nhu gia chi tháo, ích chương thực thận chi thành. Trữ giáng tiền tinh hiệp suy đồng luật mặt nguyệt lê dân phú thứ, hoàn vũ túc thanh. Văn quỹ đồng nghi, hoa di cộng quán. Ngũ hành thuận tự, bách cốc phong đăng. Tái tuyệt yên trần, quốc vô tai lệ. Nhi thần, thiếu liệt nhận tự, lạm xí nho lâm. Kỷ sự chi thành, thực thánh chi sảo. Khuynh thiên cẳng địa chi công. Tuy hữu Uyên Vân chi tài, ban mã chi học, diệp nan tự vạn chi nhất yên. Ký hựu niệm, quỳ hoắc chi tiêm huỷ, nhật nguyệt chi chiếu lâm, Thiên tải nhất thì, khánh ngu hà mậu. Cương binh quân hào, cảm thâm tự thuật. Minh viết:

Chí điều chí tịch
 Cương tự lập danh
 Hy di tất tại
 Đạm bạc mị đãi

Vô tương vô hình
 Yếm xử nhân hoàn
 Bạch hồng đằng diệu
 Song thụ phát y

Tiên thiên địa sinh
Niết nhi bất tri
Ma nhi bất lận
Thuần tuý duy tinh
Việt hữu kim tiên
Giáng tích trúc càn
Thập hiệu câu bị
Tứ hoǎng quảng phu
Lục độ tề tu
Cứ tư nguyên vị
Giác trực phù nguy
Thiết thanh tịnh giáo
Đạo quy chân tính
Tỉ tĩn như sơn
Tam giới chiêm ngưỡng
Thập phương hồi hướng
Sư phụng từ nhan
Chữn̄g tế ký hành
Phù âu băng thán
Tự tư dĩ giáng
Tuế nguyệt diên trường
Vô bất sùng phụng
Đãi ngǎ triết hậu
Truyền hộ vuư quý

Kim dung hồi ảnh
Lan cao nhuận thân
Chiên đàn tác tân
Hỏa hỏa yên thông
Đồ tỳ hoán hổ
Xá lý ngưng thành
Doanh bàn dật mǎnh
Hoặc huyển ngũ sắc
Hoặc hiển cửu thái
Hoa hoa huỳnh hoàng
Âm giới minh trung
Hoàn vũ thiên cung
Tứ chủng quốc vương
Thời giai sậu tập
Cạnh phǎn hùng cường
Các tự danh tướng
Kim hàm ngũ trùng
Long luân bình bí
Sùng tháp nghiêm trí
Bức tấu triều lâu
Vân trǎn sơn đỉnh
Trùng tâm oánh tịnh
Nghê đài cao trắc
Triều âm tán thân

Phông tư tiên trí
Hương Long Đội Sơn
Điệp thứ hùng kỳ
Cao suất trùng vân
Thượng tầng thao tàng
Trữ dũng thần quang
Tác thủy minh quân
Sơn thủy thanh tú
Yên hà nhân uân
Quýnh cách trần phân
Ngự đề gia hiệu
"Sùng-thiện Diên-Linh"
Thọ kỳ di quýnh
Cốc đán giai thần
Phúc trường viên mãn
Phủ thành tương khánh

Tập hội thiên nhân
Chung cổ huyền điền
Trâm đàn phân phủ
Cẩm tú tranh xuân
Thừa tư phúc tuệ
Linh ngự câu hệ
Hàm thoát u truân
Thần thiểm kỷ sự
Tài phi ngũ xa
Đế công triêu trứ
Tổng khai hộ dữ
Tứ hải hội đồng
Cộng tán ngũ hoàng
Thiên trường địa cửu

Thiên Phù Duệ Vũ nhị niên tân sử thất nguyệt
sơ lục nhật Triều liệt hình bộ thượng thư binh bộ
viên ngoại lang đồng tri phiên công viện chư sự,
thần Nguyễn Công Bật phụng soạn . Hữu thị lang,
thượng thư, công bộ viên ngoại lang đồng tri thẩm
hành viện sự, thượng khinh xa đô úy, tử kim ngư
Lý bảo Cung phụng sắc thư.

NỘI DUNG BIA CHÙA ĐỘI

Phiên âm:

**ĐẠI VIỆT QUỐC ĐƯƠNG GIA ĐỆ TỬ ĐẾ,
SÙNG THIỆN DIÊN LINH THÁP BI**

*Long Đội Sơn tự Sùng Thiệן Diên Linh bảo tháp bi
Ngự thư phi bạch bi gạch*

Dịch nghĩa:

**BIA THÁP SÙNG THIỆN DIÊN LINH CỦA VUA THỨ TƯ
(NHÀ LÝ) ĐƯƠNG LÀM CHỦ NƯỚC ĐẠI VIỆT.**

*Bia tháp báu Sùng Thiệן Diên Linh ở chùa núi Long
Đội - Nhân bia nhà vua viết bằng lối chữ phi bạch*

Cái diệu thể thì huyền tịch, là một ánh linh quang không ở trong không ở ngoài, nhưng lại là khởi nguyên của năm nguyên tố, còn cái hiện tượng thì tràn đầy, là cõi bao la, có hình thù, có thể chất, nhưng lại nằm trong cái khí thái hư. (Nó) không có dấu hiệu để suy lường, không có bóng hình để tìm kiếm. (Nó) bao trùm cả trời đất rộng lớn, đâu thể dò xem. (Nó) hoà đồng để tinh tú huy hoàng, dễ nào tìm xét, đâu có làm cho then máy của tạo hoá chuyển vận, nhưng nó vẫn nghiêm

nhiên ở đó, dù có xô đẩy sự mau chậm của âm dương thì cái nòng cốt nhiệm màu vẫn ở yên trong chỗ kín sâu. Đó chẳng phải là huyền tịch hay sao?

Rường mối dưới trên đã dựng, quy mô đào tạo dấy lên bốn mùa vân chuyển mà khí hậu điều hoà. Bầy chính thẳng ngay mà tuyến cơ vận động. Muôn loại rối bởi các duyên phiền toái. Chúng sinh từ đó mà có tên, Vạn vật ở đây mà thoả tính. Đó chẳng phải là tràn đầy hay sao?

Như vậy mà muốn phân tích một cái sâu rộng về cái cơ vi màu nhiệm, muốn truy nguyên đến cái đầu tiên, muốn thâm tóm đến cái cuối cùng, há chẳng khó lắm thay!

Ngẫm như họ Đại hùng của ta, ứng vận thời trung cổ, hiển linh ở trời tây. (Người) có trọn ba nghìn uy nghi, ba mươi hai tướng lạ, Mười hiệu đầy đủ, trăm phúc trang nghiêm. (Người) cùng cứu cái tinh vi kia, và sáng tỏ cái thuần túy nọ. (Người) thương cho chúng sinh vì say mê cái "thức", người sót cho 4 loài vì lầm lẫn điều "chân". Trong áo quên vàng mà chẳng biết, đáy hòm chứa rắn mà không hay. Do đó (người) lập lên diệu giáo của Bồ đề, để nuôi dưỡng kẻ đối

lòng đã bao thuở. Thấp ngọn đèn rực rỡ, soi đêm tối bao năm. Khiến cho vẻ hồn nhiên của tấm lòng phóng đảng được yên, làm cho thói bừa bãi của các tính mê lầm, được định. Cho nên ba giới quy, mười phương hồi hướng. Phật ở trần thế bảy mươi chín năm, thiết lập tám vạn bốn nghìn giáo pháp. Có thể gọi là: hình tích đã hợp với trần hoàn, tấm thân nên lánh xa nơi hư ảo. Bởi vậy, thân thể vàng dáu sắc rừng song thụ, cầu vòng trắng rực rỡ nơi tầng trời. Bông đầu la bọc lấy thần tư, đầu tử lan tẩm trên hương thể. Lòng tin luyến mộ dùng gỗ thơm mà làm củi. Phật tính linh thông ứng đàn lửa mà tự thiêu. Khói hoả đàn vừa tắt, hạt xá lỵ ngưng thành. Giống như hạt châu được sinh ra từ bụng trai, như hạt móc lấp lánh trên bàn tay ngọc. (hạt) thì rực rỡ năm sắc, (hạt) thì óng ánh chín màu. Trần mâm đầy học, khôi tục siêu phàm. Cho nên các bậc nhân chủ, long vương còn cỡi âm gian, thiên tượng. Hết thấy kéo về, chia nhau giác tướng. Trần trọng thì lấy hòm vàng chứa đựng, giữ gìn thì cầm gươm báu canh phòng. Họ đều tìm nơi để đặt xá lỵ. Nhưng các nơi không nhất định ở chỗ nào, hoặc trên đỉnh núi Hương Sơn, hoặc giữa cõi

trần nhân thế, hoặc ngoài khoảng không triều dã, hoặc trong cung cấm long vương. Họ thi nhau xây chùa, cất cao vật báu. Từ xưa tới nay, lưu truyền không mất. Như vậy có thể nổi, dày công nổi gót há chẳng thịnh vượng lắm sao ?

Kính nghĩ đức Hoàng đế bệ hạ, bậc "Thánh hiền thể đạo, thánh văn thần vũ, anh cánh dân vật, vạn linh chiếu ứng, vĩ long nguyên hoá, thông minh quảng vận, nhân trí ý nghĩa, thuần thành minh hiếu" của triều Lý, là do đất trời chung đức, nhật nguyệt kết tinh. Cho nên điềm lành báo trước, triệu tốt mở ra. Phụ Hoàng nằm mộng, nước ngoài dâng voi trắng sáu ngà, Mẫu hậu có thai, góc tía phủ rồng vàng năm sắc. Đó là cái điềm lúc bệ hạ đầu thai vậy.

Sao lành đêm hiện, sông Ngân ứng vẻ sáng trăng non, mây tối sớm bay, bộ đồ giải sắc màu lụa trắng. Khí mừng vượt thẳng trời xanh, hương lạ ngọt ngào cung cấm. Mười tháng hoài thai tròn cũ, tháng giêng xuân tiết sinh người. Đó là cái điềm lúc bệ hạ ra đời.

Tuổi thơ mà lên ngôi đại bảo, trời đất khuông phù, trẻ dại mà thống ngự hoàn khu, thần nhân

giúp đỡ. Người rồng mắt phượng, trong ngọc trắng băng. Mắt trong mà xanh trắng rõ ràng, khác con mắt hai người đế Thuấn, tai đẹp mà vành tai dài rộng, ché cái tai ba lỗ Hạ Vương. Dáng người vạm vỡ, bàn chân đầy đặn. Nét mặt ngọc ôn hoà, vùng trán cao sáng sủa. Thực là anh linh của nghìn đời, vượt hẳn về kỳ tú của trăm chúa. Đây là vẻ trang nghiêm bề ngoài của bộ hạ vậy.

Ôn khắp cỏ cây muông thú, trí nhanh gió táp mưa sa. Sách kinh nội điển tinh thông tới chỗ yếu huyền, pháp thuật ngoại quyền, thâm tóm được toàn tôn chỉ. Đúc lời đẹp như đá vàng, sáng hơn tinh dầu, đặt tên hay cho điện tháp, chiếu dọi xưa nay. Sành phép viết để thông thần, vận bút vua đến tuyệt diệu. Thế chữ tựa rồng bay phượng múa, phép viết từ tay ngọc viết ra, hình chữ như loan liệng thước bay, thể chữ do lòng vua thể nghiệm. Khắc biển vàng để chốn Phạn cung, chạm ngọc tốt đặt nơi đạo quán. Tứ thơ tóm mua hoa của thợ trời, nhạc phổ hoà âm thanh của nhà Phật. Phép viết chữ thì cùng cứu đến huyền cơ, tài bắn cung thì tinh thông đến diệu thuật. Đó là bộ hạ tinh thông sâu rộng ở tài nghệ vậy.

Gặp lúc trung thu cảnh đẹp, muôn việc nghỉ ngơi. Mở lòng thành sửa soạn cỗ bàn, bày lễ thịnh cúng dâng hoàng Khảo. Lại tới sớm mồng ba, mới sắm sửa xe giá, cưỡi xe ngọc ra ngoài chín bệ, lên xe châu rong ruổi đường vàng, quạt lông chỉ che ở hai bên, kiệu nạm bạc vây quanh bốn phía. Lọng vàng rợp trời, cờ màu loé nắng (như) sao năng rậm liêu, (như) sao chuyển đường hoa. Hường Trường - lô sông biếc, ngự điện báu Linh - quang Nghìn thuyền như chóp giạt giữa dòng, muôn trống như sấm vang dậy nước. Dưới hiên ngọc thiết hội đồng phương bá, trong thềm đàn tâu chương biển sứ tiên. Thả rùa vàng đội ba ngọn núi, trên mặt sóng dập dờn, phơi mai vãn để lộ bốn chân, dưới dòng sông lững lờ. Liếc mắt nhìn bờ, hé môi phun bển. Ngửa trông giải mũ nhà vua, cúi xét bầu trời lồng lộng. Trông vách dựng cheo leo, dạo nhạc Thiên reo rất. Cửa động mở ra, thần tiên xuất hiện. Đều là dáng điệu thiên cung, há phải phong tư trần thế. Vươn tay nhỏ dâng khúc hồi phong, nhúu mày thúy ngọc ca vận tốt. Chim quý từng đàn ca múa, thú lành thành đôi xênh xang. Tới lúc ác vàng xế bóng xe báu sắp về. Đến giữa đường bằng phẳng,

ở ngoài, quảng thiên . Hướng thẳng đài cao về lục địa, quay lưng rùa lớn đội ba non. Ngắm bàn son mà vẫy dẫu, kéo đuôi an phận. Chim líu lô trong mây, hổ hằm hằm xuống núi. Trở hết oai hùng, cần vô thú nhỏ. Gặp lục thượng lâm đệ tử, cầm lộng trĩ cán son. Thét thát thanh xô đến trước vua, đắp bãi rộng làm nơi săn hổ, kéo cung duỗi bắn, rút kiếm dạo quanh. Kẻ trở oai trong chốc lát, người đón đánh lúc bấy giờ. Lân quốc mến nên đất già bẻ trẻ, chư hầu vui mà vượt núi băng tường. Chăm chú xem xét chính giáo, ngóng chờ mong thấy mặt vua. Khấp chồn trang hoàng gấm vóc, hàng năm vui vẻ ba ngày. Đưa đời người lên cõi Hồ thiên, đặt dân chúng vào nơi lạc quốc. Đó là việc nhà vua suy xét mà chế tạo rùa vàng vậy.

Làm sáng tỏ sự kỳ diệu của mưu thần, nên chế tạo sự tinh kỳ của thuyền ngự. Theo hình đặt hạm đội hùng tráng, lập cách dựng nghìn thuyền tú lệ. Đặt lầu gác ngất trời, dựng thêm hiên cao vút. Trong đặt toà thêu cao vọi, để nhà vua rộng tầm mắt nhìn xa, cạnh xen hàng gấm rỡ ràng, cho thể nữ được sẵn sàng hầu cận. Dốc châu báu trang hoàng, đủ ba cung nhà cửa. Giữa dòng buổi sáng lênh đèn,

ngõ hải thân hà hơi chặn sóng, góc bến ban chiều
dừng lại, tưởng rùa vàng đội núi chọc trời. Đó là tài
chế tạo khéo léo và tân kỳ của bộ hạ vậy.

Rộng vận thần công, cả suy thánh đoán. Sửa
sang thắng sự, chăm tối lương duyên. Dựng đài
cao quảng chiếu, hướng sân trước đoan môn.
Trong nêu một cột, ngoài đặt bảy tầng. Uốn hình
cung nâng lấy sen vàng, may lông nhiều che cho
ngọn lạp. Dấu cơ vi ở dưới đất, như bánh xe xoay
chuyển. Rực ánh sáng ở giữa trời như bóng ác
chói chang. Lại có bảo thánh rực rỡ trang nghiêm,
diện vàng viện báu. Do ý thánh dựng nên, đặt
tượng vàng hai dãy. Dáng tỏ linh văn, hình phô kỳ
lệ. Lại có hai toà lầu hoa trong treo chuông vàng,
khắp chú tiểu mình mặc áo nâu sồng, vịn máy
ngâm giờ vô chuông lên đánh. Nghe vô bao gươm
mà đứng nghiêm quay mặt, nhìn thấy thánh minh
mà khom cật cúi đầu. (những việc này) đều nảy ra
từ ý nhà vua, muốn sao được vậy. Lại có đài cao
thất bảo, xếp thành một dãy, chính giữa có một
ngọn núi vàng. Đặt tượng đẹp Như-Lai đa bảo bày
chân hình xe phép mấy tầng. Mái hiên lấp lánh
ánh mặt trời buổi sáng, màu ngói huy hoàng, vẻ

mây biếc ban chiều. Thứ đến hai toà bạch ngân, bên tả đặt chân đức Phật A- Di- Đà, bên hữu để xá lý của sắc thân màu nhiệm. Chiều cao mở ra thế khoẻ, vẻ đẹp phô ra mái cong. Long lanh ngở tuyết trắng đang tan, rục rỡ, trắng thu vàng vạc. Thứ nữa lại có hai toà Điện Văn bên tả đặt từ nhan của Chính giác, bên hữu đặt diêu tượng của Bồ Đề. Đã hoàn thành gác lớn, lại xây dựng lầu cao. Nóc che ngói quý, vách chạm hình rồng. Lại thêm nữa có hai toà ngà voi, bên tả chạm hình dung Phật cam lồ, bên hữu đặt diêu tượng Phật Bảo thắng gọt màu chất quý, cao dựng cột hiên. Các cạnh nạm ngọc quý, các khen khám sừng tê. Lại soạn kỹ những lời ghi đẹp đẽ, khắc vào bên cạnh toà sen. Mở tám lòng trong trắng, soi sáng mãi đời sau. Lại toả chín phương bằng năm sắc, khắc bốn cột bằng song huyền. Hai bên nghìn đèn nhấp nháy, bốn mặt rục rỡ vòng son. Có thể gọi là: hơn xa chế độ xưa nay, vượt hẳn sinh thành tạo hoá. Do hoà vui của thiên hạ, đem trở thành ngày, thoả tâm mục của thế gian. Già nay trẻ lại. Đó là công lao khi xây dựng thắng duyên của bộ hạ vậy.

Tôn sùng đạo Phật, hâm mộ thắng nhân. Mở

chùa Diên -Hựu ở tại vườn tây. Dấu vết theo quy mô thuở trước, lo toan do thánh ý ngày nay. Đào ao thơm Linh Chiêu, giữa ao chồi lên một cột đá, trên cột có một đóa hoa sen nghìn cánh xoè ra. Trên hoa dựng ngôi đèn đỏ sẫm, trong đèn đặt pho tượng sắc vàng. Ngoài ao có hành lang bao bọc. Ngoài hành lang lại đào ao Bích - Trì, bắc cầu cong để đi lại. Ở sân trước cầu, hai bên tả hữu xây tháp báu lưu ly. Để mừng một hàng tháng, để mùa xuân hàng năm, nhà vua thân ngồi xe ngọc, đến mở tiệc chay. Hương hoa bày hình thức kỳ an, bồn chậu đặt lễ nghi tẩm Phật. Trang sức tướng tinh thành cho năm chúng, hoặc hở vai tiến thoái nhịp nhàng, tạo đội ngũ thiên vương ở bốn phương, nâng khí cụ bồi hồi nhảy múa. Tinh cần chẳng trễ, kính phụng nơi ngôi. Vì vậy mà huyền đạo tinh thông, đều cùng phù hộ. Đó là bệ hạ dựng chùa thờ Phật để cầu phúc thọ.

Trên vừa trị yên trong nước, dưới dương giúp đỡ lân bang. Bỗng lính thú nơi biên khu trở mặt, gây nên hiên khích dở dang. Vội vàng chống địch, làm nhụt oai thù. Quân chân Ung muôn ức tan tành như mây mù gió cuốn, quân Như Nguyệt

trăm vàn đổ vỡ như gặp nắng băng tan. Tự thi hành do viên tướng ngoài biên, đâu có phải lòng vua quyết định. Đưa hoàng cực lên cõi thanh bình, dẫn sinh dân đến nơi giàu có. Quạt gió nhân giáo hóa nước nhà, ra ơn huệ ban cho khắp chốn. (Do đó) Hoàn Vương Xạ Chế lìa cung thất đến cửa khuyết xung thân, quốc chủ La-Vu bỏ đất nước tới đán đình quy phục. Dốc ý kính yêu bệ hạ, nghiêng lòng hướng tới mặt trời. Gần đây bọn mán Ma Sa cậy có non sông hiểm trở, sinh lòng lang sói, không theo giáo hoá triều đình. Vua ta nổi giận, xe giá lên đường. Mãnh tướng như mây theo, mưu thần như mưa hợp. Dàn quân sĩ ở đồng hoang, đánh úp bọn dân hung hãn. Bọn tù trưởng bị bắt, lũ đầu sỏ cầm tù. Ngoài ra thì máu nhuộm cỏ hoang, thân phơi rừng suối. Chả hùm thiêng bắt chuột, nào có khó gì, lăn đá to ép trứng, sao mà dễ thế. Đó là lệ thường mỗi khi bệ hạ dùng võ vậy.

Nhân dân hoà hợp, trăm họ yên vui, mùa xuân ra mát, dâng kính ngọc ngà, mùa thu vào châu, trình bày chức vị. Hợp các nước chư hầu mà yến thưởng, xây bảo đài ba cấp cho quân tiên. Lợp ngói bạc sáng chói trời xanh, đặt toà sen phô bày

tướng báu. Trên nóc phượng hoàng đứng thẳng, chung quanh rồng lớn đua vờn. Lọng trang sức thất trân, đai trang hoàng bách bảo. Đó là: thêm trên cao nhất, thánh thượng ngự chơi, bậc giữa tầm thường, cung tần châu chực. Nhạc quan đứng sắp dưới sân, đều cùng nhẩy múa. Ráng sức thiên tài làm lên điệu khúc, võ về phiên thuộc xa tới áp phong. Lưng trời tiếng át mây bay, hoà sáo vang thêm ân sáng. Đó là đức cao nhất về sửa sang văn giáo của bộ hạ.

Làm chủ của trời đất, xét huyền cơ của tạo hoá. Vận trí biến thông, hiển mưu đầy khắp. Tinh tường âm hưởng nước ngoài, phiên dịch yếu đoán mọi nghệ. Chế ra khúc múa tuyệt vời, tỏ rõ niềm vui đời thịnh. Lại chế khúc "tiên tử xuống mây" véo von tiếng hát ngợi ca công lớn tiền vương và khúc "sao băng đời chỡ" uyển chuyển dáng hình, chúc tụng ơn sâu giáo hoá. Đó là sự lo toan nhiệm mào của bộ hạ vậy.

Đức cùng trời đất, nên năm sao chói sáng, ơn tới cá chim, thì muôn vật dâng diễm. Mười chín rồng thân quang phục thêm quỳnh điện báu, một nghìn voi trắng hộ trì vườn cấm ao tiên. Tỏ

rõ sự dài lâu của ngôi báu, hợp phù sự ưu thịnh của phúc lành. Cho nên, trời hiện điềm thiêng, rừng phôi vật lạ. Nền voi thần xuất hiện, hình thù to đẹp, trán hiệu thần quang. Nghiệm văn thái sạch trong có bậc, bành thông minh chiếu rọi không cùng. Vua đặt tên cho "Thần tượng siêu quần" ưu đàm đưa thơm, xá lý hiện ngọc, cỏ cây dâng phúc, thần vật báo điềm. Nêu lên sự ban phúc không cùng, chỉ rõ sự truyền ngôi vô hạn, cỏ thơm mọc hai lượt, hươu trắng đến sáu lần. Nai tuyết lại một con, hoẵng đen về một cặp. Thừa mệnh Thượng đế, giữ lâu phúc trời. Đồn dập tổ điền hay, song song phôi vẻ lạ. Rùa nghìn chấm năm màu, sen hai gương một nhánh. Ôn thấm suốt nguồn, vật dâng điềm lạ. Cảm ứng sự yên tĩnh của muôn dân, gọi bao sự hưng long của xã tắc. Nền: Vành trăng tán ở tầng trời, ánh vàng rọi từ khe tối, tỏ rõ sự sáng soi là hữu hạn, nói lên sự tế đoán là vô cùng. Điềm trời phúc báo, khe tốt dâng điềm. Một cây cay tía, nảy lấm mầm thiêng. Giống như các nước bảo vệ triều đình, cũng tự khắp trời phù trì nguyên thủy. Thời qua chín chục, tiết đến mồng

năm. Chuột sinh lông trắng, thông biến lọng
nghiêng. Giống như tổ hạc mà dăng điềm lạ, coi
ra Hằng nga để tỏ phúc lành. Hợp với sự thanh
bình của bốn bể, hoà cùng sự êm ấm của muôn
dân, sẻ trắng, cửa vàng tụ tập, rồng xanh, cò
trắng dăng trình. Dãi tỏ dung nghi trong sạch,
nổi lên " duy nhất duy tinh" đổi thay chất cũ
chân thường, theo được "hay nhân hay thứ"
Triệu dao chìm ngựa ký sinh ra, móng mềm nhẹ,
trâu đen xuất hiện. Đàn nhận hợp mà phương xa
thần phục, mãnh hổ vờn mà khắp chốn sợ oai.
Bươm bươm thành đôi, tuyết lành đầy đọng.
Mưa tuyết dạt bay đầy thước, tượng trưng thời
đại thái bình. Mượt mà như lông phượng khác
thường rực rỡ như đàn có thành dấy. Đàn qua
trắng đua bay, đàn ngỗng trời tranh liệng. Tỏ rõ
sự tinh cần báo đáp, cảm thông lòng thuần hậu
thảo hiền. Đọc Phật kinh trọn cuốn mà không ai
sánh kịp, chúc thánh thượng muôn năm mà quy
định lệ thường. Cau quả ngậm châu, cành
dương rưới ngọc. Điềm lành quanh quất chốn
cửu long, át xa châu báu, triệu tốt sinh sôi đầy
các ngã, vượt tới phương xa.

Ôi ! Vâng chịu phúc dày trời đất, kế thừa mệnh lớn tổ tông, hơn năm mươi năm trị nước, hàng trăm nghìn nước sợ oai. Mưa nắng hợp thời, trăng sao đúng độ. Người thường nghĩ: Việc làm ruộng là căn bản trước tiên nên chính sự ắt nhờ vào đó. Tuy hàng năm vẫn phải thân hành, nhưng ý chí chưa từng trễ nải. Ngày tháng năm mùa hạ, niên hiệu Hội trường Đại khánh thứ chín (1118) nhà vua cưỡi xe phượng phi tiên, đáp thuyền rộng diệp bảo. Nắng đẹp sóng im, triều lui mây tạnh. Qua dòng Hà-Lô, thấy bến Long - Lĩnh. Tuy thế núi chên vênh, nhưng đỉnh vun bằng phẳng. Vua bèn truyền lệnh buộc dây thuyền, xuống chiếu cho các quan hộ giá mà bảo họ rằng:

- Trẫm muốn dựng một ngôi chùa ở núi này có được chăng?

Tả Hữu bước ra tâu rằng: "Chúng thần nghe các cụ già trong làng kể lại. Ở núi này cứ đến mùa xuân thì trời thường mưa để nhuần thấm cho muôn dân. Vậy bệ hạ nên dựng chùa, để chóng thành thiện quả, và xin bệ hạ đặt tên núi này là Long - Đội.

Nhà vua chuẩn ý, bèn hạ lệnh cho viên quan coi việc bói toán, xác định phương hướng; mặt chùa trông ra sông Kinh, gió lộng mặt sông như lụa biếc dải ra, lưng chùa quay về núi Đập, mưa tan dáng núi như gấm xanh thêm sóng. Bên hữu không chế bình nguyên trông tới lũy cũ Càn-hung, bên tả men theo sông nhỏ, quanh hán - thủy để ra khơi. Xuống chiếu cho thợ thuyền lạng dây nạy mực. Thi của cải làm sáng thêm công đức, khiến quan coi rừng gắng sức để giảm bớt dân tư, chuyển gỗ rừng hết sức thần kỳ, sai thợ mộc giỏi trở tài để việc làm khéo léo. Lấy đá Mân làm đầu, dùng đá vũ dựng hiên. Xây mười ba tầng chọc trời, mở bốn mươi cửa hóng gió. Vách trạm rồng ổ, xà treo chuông đồng. Tầng trên đặt hộp vàng Xá Ly, toả tường quang cho đời thịnh sau này, đỉnh nóc xây tiên khách bung mâm, hứng móc ngọc dưới bầu trời tạnh ráo. Tầng dưới chia tám tướng khôi ngô, đứng hộ vệ có thần nhân cầm kiếm. Chính giữa đặt tượng đa bảo Như Lai, sức thể nguyện sâu rộng, đành hiến cả thân mình. Nghe kệ sen giúp đỡ oai thiêng, lắng Kinh Phật chia đôi toà báu. Treo phướn vàng rực rỡ, cắm

lọng tía long lanh. Sân thêm có bậc, lang vũ hai bên. Rồi bên tả chùa dựng cung tứ giác, ngậm hai mân trấn đất, đội tám tượng châu trời. Nêu cao khí tượng cho danh sơn, truyền rộng thánh công cho hậu thế. Bên hữu chùa dựng nhà khám nhọn vuông, trong đặt Tân. Đâu hoà thượng (là vị) đày ra ma-lê-sơn. Nhận lời răn của Như lai, vì chúng sinh mà chứng phúc. Tầng dưới xây đài Lăng hán, treo đỉnh khí thú sơn, buộc chày kinh bích hải. khi đánh thì âm vang tràn ngập cả đường trời, khi nghe thì lưỡi kiếm thôi vung nơi khổ ải. Xây tường bảo vệ, dựng hiên phô trương. Bức cầu mở rộng đường thôn, trồng bách thành hàng hai dãy. Kết tinh thành tôn sùng diệu quả. Mong cho lịch số dài lâu, hết kiểu lạ xây dựng lâu cao kỳ mong tuổi vua thọ mãi.

Cho nên, nhà vua đặt tên tháp ấy là tháp Sùng Thiện Diên Linh.

Tháp này bắt đầu xây từ niên hiệu Hội Tường Đại Thánh thứ chín (1118) đến mùa thu niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ hai (1121) thì hoàn thành. Nhân lúc rảnh mà dựng xây, gặp được mùa mà thiết lập. Trải qua 3 vụ cấy, 4 mùa lúa chín sau

mới hoàn thành. Đến khi làm lễ khánh thành, sai phụng thờ chĩnh đốn kiệu xe, khiến phong bá quét sạch bụi bặm, khói trầm đàn như mây tổ khắp sơn khê, bóng cờ phướn như dáng phô đầy các ngả. Chuông trống vang âm, khánh tiêu inh ỏi. Phía trước xe mây Tam bảo, đằng sau kiệu báu Thánh Hoàng. Đốc nghiêng xanh tía sáu cung, về hết trẻ già muôn nước. Điện hoa vắt ngang phía trước, chùa phật mở rộng bên trong. Hội tăng ni trai khiết, diễn gác - đế chân kinh. Hoàng Đế nghiêm trang, đọc kệ, đoạn cúi đầu tạ lễ, cung nga khép nép, nghe kinh xong dâng sữa múa ca. Thổi cơm chay trắng muốt, thiết khách đói qua đường, phát tiền quý ùn ùn, cấp dân nghèo khắp chốn. U hiển đều về, thiên long cùng đến, đem lực công tối thượng, phúc đức vô lường. Ca ngợi Hoàng cương vững bền như trời đất, cầu mong bảo vận vàng vạc như trăng sao. Sớm sinh thái tử, nối mãi mệnh trời. Mong gốc ngành ngàn thuở, cầu xã tắc muôn năm. Cỏ lứt nhiều phương, quỳ nghiêng muôn nước. Thần dân yêu mến, tổ khảo khuông phù. Thần đạo giúp ngầm, trời người nâng đỡ.

Thái Tổ, Thái Tông và Thánh Tông hoàng đế định xong bốn bể, nhẹ gót lên tiên, nhờ quả phúc này mà ngụ mãi toà sen, hoàng tử Phù Thánh Linh Nhân hoàng hậu chán cõi trần hoàn, ngự chơi mây khói, gọi lương nhân này mà siêu sinh tinh độ. Nói chung các vương phi của các vua chư hầu, là những người hiền thực u trình đều hoà nội trị. Nâng thêm tiết tháo hiền hoà, toả rõ tấm lòng thực thuận. Đợi sao trời xuống, cùng thời luật đồng. Sau cùng xin nguyện nhân dân giàu có, bốn bể an ninh, thống nhất sơn hà, hoa, di thông suốt. Năm hành tuần tự, thóc lúa trĩu bông. Biên cương im khói lửa, trong nước bạt tai ương, thần, thẹn xen hàng nhạc, lam dự rừng nho. Ghi chép sự việc hoàn thành, nhờ bởi thánh minh khéo léo. Còn cái công huân nghiêng trời lệch đất của bệ hạ, thì dầu có tài như Uyên, Vân có học như Ban, cũng khó lòng ghi lại được muôn một vậy. Lại nghĩ phụ rau quỳ, sau hoắc nhỏ nhoi, nhờ được ánh mặt trời, mặt trăng soi tưới. Nghìn năm một thuở, dốc hết lòng trung. Gượng cầm ngòi bút đánh bạo trình bày.

Lời minh rằng:

(Cái tâm) rất huyền diệu, rất tĩnh mịch
Không có dáng không có hình
Hãy miễn cưỡng đặt tên cho nó
Là cái "Nghe không thấy, nhìn không được"
Hoàn toàn tự tại
Sinh trước cả trời đất
Nhuộm chẳng đen
Mài chẳng mòn
Rất mực tinh thuần
Trước đây có vị kim tiên
Giáng sinh xuống nước Thiên trúc
(Người) có đầy đủ mười danh hiệu
Mở rộng bốn điều thế nguyện
Tu hành theo pháp lục độ
Và truy cứu cái nguồn gốc sâu thẳm (của đạo)
(Người) xua đuổi cái hư giả
Đặt ra giáo lý thanh tịnh
(Khiến cho) đạo được trở về với tính chân thực
Lặng lẽ như non
Ba cõi chiêm ngưỡng

Mười phương quay về
Người vãng mệnh từ nhan
Tế độ đã xong
(Thấy cuộc đời chỉ là) bọt nổi, băng tan
(Cho nên người) chán cõi nhân hoàn
Ánh cầu vồng rực sáng
(Người) rũ áo ở rừng song thụ
Nét mặt vàng mờ bóng
Thân tấm dẫu thơm
Gỗ chiên đàn làm củi
Khói lửa đàn thiêu bốc hoả
Hoả táng đã xong
Động thành xá lý
Đầy mâm đầy chậu
Hoặc rực rỡ năm mâu
Hoặc rỡ ràng chín vẻ
Lấp lánh chói ngời
Trong cõi âm cung
Trần hoàn thiên giới
Bốn loại quốc vương
Đều vội vàng kéo tới

Đua nhau trở sức hùng cường
Ai nấy đều tự cho mình là danh tướng
Đem hòm vàng năm lớp (để xá lý)
(Rồi đặt vào) xe rồng êm ả (trở về)
Kính cẩn đặt lên tháp cao
Từ đấy về sau
Năm tháng dài lâu
Không đâu là không sùng phụng
Đến vị vua hiền của nước ta
Lưu truyền và gìn giữ lại càng quý
(Người) theo cái chí của tiền nhân
Hướng về núi Long - Đọi
Xây dựng điện tháp hùng kỳ
Cao vút khỏi tầng mây
Rồi cất đặt (xá lý) lên tầng cao nhất
Chờ đợi (Xá lý) phóng ra ánh kỳ diệu
Làm diễm lành cho bậc vua minh triết
(Đây là nơi) non sông thanh tú
Mây dáng êm đềm
Xa dứt hẳn chốn bụi trần mờ đục
Cho nên nhà vua đề cho một tên rất hay:

Là Sùng Thiện Diên Linh
Mong cho tuổi thọ dài lâu mãi mãi
Giờ tốt ngày lành
Quả phúc đã tràn đầy
Cùng nhau khánh chúc
Viếng chùa tấp nập
Kéo nhau lên đỉnh núi đông đảo như mây
Giữ lòng trong sạch
Bước lên đài cao
Tiếng đọc kinh ca tụng rì rầm
Cõi trời và cõi người hồi hộp
Tiếng trống tiếng chuông nhộn nhịp
Khói hương trầm đàn toả bay nghi ngút
Như gấm vóc đua tươi
Nhận được phúc tuệ này
(Những ai còn bị) gông, cùm, tù, ngục
Đều thoát khỏi sự đau khổ tối tăm
Thần thiện thừng về việc được giao ghi chép
(Vì cảm thấy) học chưa đủ ba đông
Tài chưa học hết năm xe sách
Mà công ơn vua thì rực rỡ.

Mở tung các cửa cho bốn bể cùng nhau hội họp
Để cùng ca tụng năm vua
Trường tồn như trời đất

Dựng bia ngày 6 tháng 7 năm Tân Sửu, niên hiệu
Thiên Phù Duệ Vũ thứ hai (1121).

Nguyễn Công Bật giữ chức triều liệt, Hình bộ
thượng thư, binh bộ viên ngoại lang đồng tri phiên
công viện chủ sự, vâng sắc chỉ soạn văn bia.

Lý Bảo Cung giữ chức Hữu thị lang, thượng
thư công bộ viên ngoại lang đồng tri thẩm hình
viện sự, thượng khinh xa đô úy, tử kim ngư, vâng
sắc chỉ viết chữ bài văn bia.

* *

*

Ở mặt sau của tấm bia này có khắc một bài thơ của Lê Thánh Tông và 2 đoạn văn, 1 đoạn ghi việc thái Hậu Linh Nhân (tức Ý Lan) cúng ruộng. Và một đoạn ghi việc trùng tu và dựng lại bia dưới thời nhà Mạc toàn văn như sau:

1

Phiên âm:

Hoàng Việt Lý triều đệ tứ đế hoàng tử phù
Thánh linh Nhân Thái hậu cung điền tại Thượng
Hồng phủ, Cẩm - Giàng huyện, Cẩm - Trục, Thu -
Lãng nhị xã, Mạn - đả xứ nhất khu, tương liên thất
thập nhị mẫu, đông cận Đường - tiên, tây cận
Đường - bạn, nam cận dân điền, bắc cận Phan-
côn, dĩ di hương đặng, vĩnh vi vạn đại. Nhị bản xã
lục đình thập phương đặng. Nhược hậu hữu hà
nhân thủ tam bảo điền dĩ vi sinh lệ tư sự. Nguyễn
hoàng thiên thập bát long thần tau chi, diệt chi. Kỳ
giá điền cung nhập tam bảo dĩ hữu khái khát
phụng đắc miễn tô thuế.

Thiên - Phù - Duệ - Vũ nhị niên, tân sửu thất
nguyệt sơ lục nhật.

Dịch nghĩa:

Bà thân sinh ra vua thứ tư triều Lý của nước Hoàng Việt là thái Hậu Phù - Thánh - Linh Nhân cúng một khu ruộng ở Mạn để thuộc hai xã Cẩm - Trục, Thu-lãng huyện Cẩm - Giàng phủ Thượng - Hồng gồm 72 mẫu liền nhau. Phía đông giáp Đường - tiên, tây giáp Đường - bạn, phía nam giáp ruộng của dân, phía bắc giáp Phan- Côn, để làm ruộng đèn nhang, lưu mãi muôn đời. Sau này nếu kẻ nào trong 2 xã, 6 thôn, hoặc người tứ xứ chiếm ruộng tam bảo làm của riêng thì xin hoàng thiên và Thập bát long thần tru diệt. Những ruộng này đem cúng vào cửa tam Bảo đã có tờ khai xin được miễn tô thuế.

Ngày 6 tháng 7 Tân Sửu, niên hiệu Thiên - Phù - Duệ - Vũ thứ hai (tức ngày 28/8/1121).

2

BÀI THƠ VÀ MẤY LỜI GHI CHÚ CỦA LÊ THÁNH TÔNG (*)

Phiên âm:

Dư báí yết sơn lǎng, lộ kinh sơn tả, toại đǎng lǎm yên,
tiểu Lý triều sự dẫn chi quân thân, ta quốc bộ tăng kinh ư
binh tiền, lưu nhất luật vu hữu. âm văn:

Thiên nhận tăng loan cổ hóa thành
Phan duyên thạch đǎng khấu thiên quynh.
Lý triều quái đǎn bi không tại
Mình tặc hung tàn tự dĩ canh
Lộ thiếu nhân tông đài giáp lục
Sơn đa xuân vũ hiểu ngân thanh
Đǎng cao nhĩ giới vô cùng trứ
Vạn lý mang mang bảo thụ bình

*Thiên Nam động chủ lưu đề
Quang thuận bát niên, trấn điện tướng quân,
thần Lê Văn phụng tả*

* Dịch nghĩa:

Ta đi báí yết sơn lǎng, đường qua bên tả núi này, bèn
lên chơi chùa. Cười vua tôi triều Lý tôn sùng điều quái
đǎn, thương đất nước trải nhiều phen binh lửa. Nên có đề
một bài thơ dưới đây:

Núi cao ngàn nhận, thành hoá thời xưa
Men vin bậc đá lên thăm cửa chùa
Vua Lý hoang đường tám bia còn đó
Giặc Minh tàn bạo chùa đã đổi thay
Đường ít dấu chân người (nên) rêu phong xanh biếc
Núi nhiều mưa xuân (nên) vệt cháy đã xanh rờn
Lên cao tâm mắt vô cùng sáng tỏ
Muôn dặm mênh mông cây cỏ (một vùng) phẳng tấp.

*Thiên Nam động chủ lưu đề
Năm Quang Thuận thứ tám (1467) kể bề tôi là Lê Văn
giữ chức trấn điện tướng quân vâng mệnh viết chữ*

3

Phiên âm :

Hoàng Việt Mạc triều đệ ngũ đế, Hoàng trụ
tứ niên, Tân Mão, ngũ nguyệt đoan dương tiết, cai
Duy - Tân huyện bộ chỉ huy vân bảng bá. Đồng ty
quan Phú triều bá, cai quan lam cầu bá, cập Đội -
Sơn nhất nhị tam giácp Đội - Trung, Đội - Lĩnh.
Trung tín đảng xã cộng thụ đảo bi, giá đòi lương,
bổ khuyết tượng, sáng môn, xế tường, kinh ngũ

bách niên dư chi tùng lâm thắg cảnh nghiểm
nhiên tái nhất tân hĩ .

Dịch nghĩa:

Ngày mồng 5 tháng 5 năm Tân Mão, niên hiệu
Hưng Trị thứ 4 đời vua thứ 5 nhà Mạc (tức ngày
25/6/1591) cai huyện bộ chỉ huy huyện Duy - Tân là
Vân Bảng bá cùng với ty quan Phú triều bá, cai
quan lam cầu bá và giáp nhất, giáp nhì, giáp ba các
xã Đội - Sơn, Đội - Trung, Đội - Lĩnh, Trung - Tín
cùng góp sức dựng lại bia đở, bắc lại xà nhà và
những chỗ tượng hư hỏng lam cửa xây tường, khiến
cho sau hơn 500 năm một nơi thắg cảnh trong
chốn tùng lâm lại được mới mẻ. Do đó mà ghi lại ./.

HUYỀN THOẠI NÚI ĐỌI

1. Ruộng vàng, ruộng bạc:

Từ khi còn là Thập đạo tướng quân, tham gia đánh dẹp 12 sứ quân. Lê Hoàn đã đi qua vùng Núi Đọi, thấy thế núi ở đây có thể là một tiền đồn phía bắc để bảo vệ Kinh đô Hoa Lư lúc bấy giờ. Nên đã có ý định mở mang xây dựng khu vực này trở thành một nơi dân cư trù phú, để bảo vệ và xây dựng căn cứ quân sự vững chắc .

Đến khi lên ngôi, vua Lê Đại Hành quyết định về chân núi Đọi cày ruộng tịch điền, để khuyến khích nghề nông tang. Đó là năm Đinh Hợi (987). Đạo đó vùng này sau nhiều năm loạn lạc chiến tranh, ruộng đồng còn bị hoang hoá nhiều, nhân dân lưu tán đói khổ, làng mạc còn thưa thớt .

Nhà Vua cày một thửa ruộng được một chĩnh vàng nhỏ, lại cày sang thửa khác được một chĩnh bạc nữa - liền đặt tên là ruộng vàng, ruộng bạc. Khu ruộng Kim Ngân - Nhân dân lưu tán nô nức kéo nhau về làm ăn, không để ruộng hoang

hoá. Chẳng bao lâu vùng Núi Đọi và xung quanh trở thành một vùng đất giàu có, đông vui. Song song với nghề làm ruộng, các nghề phụ như trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa, làm trống ... ngày càng phát triển. Nhiều vua chúa các đời sau này cũng noi gương vua Lê Đại Hành, đi tịch điền (cày ruộng, gặt lúa) để khuyến nông .

2. Rồng đọi núi:

Năm Canh Tuất (1010) Nghe tin Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, đi bằng nhiều đường, trong đó có đường theo sông Châu. Nhân dân làng trống Đọi Tam bèn bàn nhau làm nhiều trống để đón rước triều đình dời đô.

Khi đoàn thuyền của Nhà vua đi qua, bỗng nhiên xuất hiện một đoàn múa rồng và múa trống. Một con rồng to dài với hàng trăm cờ quạt phấp phới và hàng trăm chiếc trống to nhỏ các loại âm âm như tiếng sấm dậy trời. Đoàn múa rước đi từ dưới chân núi uốn lượn như rồng bay lên núi cao để vẫy chào đoàn thuyền của nhà Vua.

Vua Lý Thái Tổ từ dưới thuyền trông thấy

liền đứng trên mũi thuyền, cùng các quan đại thần, tướng sỹ cùng reo hò vẫy chào đoàn múa rước và nhân dân hai bên bờ đứng đón chào.

Đoàn múa trông giống như một con rồng đội núi bay lên - Nhân đó nhà Vua liền đổi tên núi Long Đọi là Long Đọi Sơn (Rồng đội núi) ý muốn ban phúc cho nhân dân vùng này có sức mạnh phi thường như rồng đội núi bay lên ấm no hạnh phúc. Sau đó nhà Vua còn cho phép dân Đọi Tam được mang nghề trồng lên kinh đô sản xuất phục vụ cho triều đình và nhân dân các nơi. Làng trồng ở Thăng Long ngày càng phát triển, dần dần trở thành phố Hàng Trống ở Hà Nội ngày nay.

3. Am thiên và nữ thần giữ cửa:

Ngày xưa ngày xưa trên núi Đọi đã có một cái hang nhỏ, những người đi rừng gặp trời mưa gió bão tố thường vào đây để trú mưa, tránh gió bão. Rồi những người sơn tràng liền thắp hương thờ thần linh đã cứu giúp họ, dần dần hang này trở thành một am thiên nhỏ (Chùa hang) không có người trông nom, chỉ dành cho những người đi rừng lên cúng lễ .

Sau đó nhà Lý xây dựng chùa và tháp Sùng Thiện Diên Linh chùm lên, am thiền nhỏ bị vùi lấp đi. Đến khi giặc Minh sang xâm lược đã phá tan chùa và tháp, nơi đây lại trở thành hoang vu, cây cối mọc um tùm. Một thời gian dài nghe tin đồn có ma thiêng, thú dữ và cả rắn thần nữa. Hơn 100 năm sau nhà sư Hải Triều qua đây thấy phong cảnh đẹp, nhân dân hiền lành mộ đạo, liền lên khai phá, bồi phục lại đất tổ. Mới đầu dựng lên 3 gian nhà tranh để thờ phật. Rồi các thiền sư đời sau kế tiếp, nối nhau xây dựng mở mang chùa ngày một to rộng khang trang hơn. Vào đời sư tổ thứ 5 là Thích Chiếu Thường có pháp tăng quảng đại, có nhỡn thông cao cường, một đêm nhìn thấy một bóng nữ nhân nhưng không có hình, từ phía sau vườn bước vào chùa xin ăn, đoán biết là người bên hang động cũ. Sư tổ liền cho tiểu đem cháo sang cúng sinh, rồi bí mật rình ở phía sau, bỗng thấy cửa hang mở và lộ ra một cái chĩnh, nhà sư liền cầm bút viết chữ Tam Bảo vào chĩnh đó. Thân giữ của trở về thấy chữ nhà Phật không dám đóng

cửa hang, liền xin nộp của cho nhà chùa và xin ăn mày Phật ở đây mãi mãi.

Đó là một chĩnh vàng của bọn giặc Tàu sang cướp nước ta. Chúng vợ vét của cải rồi tìm thầy địa lý chọn đất xây má để của, chôn sống một người con gái đẹp còn trinh để làm thân giữ của. Nhưng hết hạn đã quá lâu mà chủ kho vàng chưa đến lấy, thân giữ của không còn linh thiêng, đã chết và biến thành ma đói, đêm đêm vào chùa lễ Phật xin oản chuỗi ăn.

Sư tổ thứ 5 liền đem chĩnh vàng đó để xây dựng mở mang chùa, đúc tượng, đúc chuông và hoàn thành 125 gian chùa, trở thành ngôi chùa lớn nhất nhì vào thời bấy giờ.

Tiếp sau đó sư tổ thứ 6 liền cho xây một điện (phủ) thờ thân giữ của ngay trên hang động cũ và hàng ngày hương khói thờ cúng thường xuyên. Dần dần được củng cố phát triển, am phủ trước đây nay trở thành khu đền Mẫu, được nhiều người đến thành kính dâng dương (xem sơ đồ).

4. Trạng Sấm :

Tổ nghề trồng Đọi Tam Thôn Đọi Tam thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam, nơi có nghề làm trống từ xa xưa để lại. Sinh năm 925 mất năm 990 .

Theo truyền thuyết, có hai anh em họ Nguyễn qua đây, thấy vùng chân núi Đọi có nhiều cây mít đẹp, quả mít chín thơm lừng, gỗ mít vàng ươm không bị mọt, hai anh em vốn làm nghề bung trống nên quyết định chọn nơi này làm chốn định cư để hành nghề. Người anh là Nguyễn Đức Năng, người em là Nguyễn Đức Đạt. Hai anh em chọn những trai làng khoẻ mạnh, khéo tay, hay làm để bắt đầu truyền nghề làm trống. Cây mít được ngả ra, xẻ thật khéo theo độ lượn của hình tang trống với độ dày mỏng đồng đều không cần qua gò uốn. Da trâu tươi mua về cũng tự tay xát muối, thuộc da, căng nạo theo bí quyết nhà nghề. Từ cây mít đến những tấm da trâu đều được tận dụng triệt để để làm các cỡ trống to, trống vừa, trống nhỏ cho từng đối tượng sử dụng khác nhau, không để phần

nào lãng phí. Theo tục lệ ngày xưa trống to nhất để ở đình làng chỉ dùng trong ngày lễ hội hay cho người *dóng trống kêu oan*. Tiếng trống đem niềm vui cho cả dân làng, giúp những người oan ức tìm gặp được những ông quan thanh liêm. vậy lên người làm trống cốt phải có tâm thật sáng. Tiếng trống ngân vang bằng sự cộng hưởng bởi tang gõ mít với da trâu bung kín nhờ bàn tay tài hoa của nghệ nhân .

Từ khi Đọi Tam có nghề làm trống, cảnh làng quê rộn rã hẳn lên. Tiếng trống gọi gái trai vào hội hát chèo. Tiếng trống trung thu gọi chị Hằng xuống cùng bọn trẻ. Tiếng trống bỏi cho bé thơ vui chơi khi biết gọi mẹ gọi bà .

Rồi một hôm, dân Đọi Tam nghe tin vua Lê Đại Hành sửa soạn về đây cày ruộng tịch điền khuyến nông. Ông Năng cùng em tự tay làm một quả trống đặc biệt để đón vua. Cây mít già tốt nhất, hai tấm da trâu to đẹp nhất được thuộc thật kỳ công. Chiếc trống được hoàn thành mùa xuân năm 987. Tiếng trống vang như tiếng sấm nên đời

sau gọi ông là Trạng Sấm. Ông Nguyễn Đức Năng mất vào ngày 17 tháng tư âm lịch. Nhân dân Đọi Tam tôn là ông Tổ nghề, Thành hoàng làng. Ngôi mộ Tổ tựa vào lưng núi Đọi, hướng nhìn ra cánh đồng rộng .

Từ thời vua Lý Thái Tổ dời đô về thành Thăng Long năm 1010, dân làng Đọi Tam đã tổ chức một đoàn múa rồng và trống rước từ núi Đọi ra chào đón vua, được nhà vua khen ngợi và cho đưa người lên Kinh đô làm trống, lập thành phố Hàng Trống, Hà Nội ngày nay .

Theo tuyển tập Nhân vật lịch sử - Văn hóa Hà Nam

Nxb Hội Nhà Văn - Hà Nội 2000



Khu vườn mộ



Lăng Trạng Sấm

CỔ VẬT HIỆN CÒN Ở CHÙA ĐỢI

Từ thời Lý:

- Bia đá Sùng Thiện Diên Linh. Cao 2,88m rộng 1,40m
- 8 pho tượng Kim Cương bằng đá (mất 2 còn 6) cao 1,60m to bằng người thật .
- 4 pho tượng hình người cánh chim (mất 2 còn 2)
Cao 40cm rộng 30cm trước đây gắn ở 4 đầu đao .
- Gạch hoa văn thời Lý

Từ thời Mạc:

- Tháp cổ lăng mộ 40 chiếc, trong khu vườn tháp .

Từ thời Nguyễn (Tu Đức)

- 2 chuông đồng, mỗi chuông nặng 1,5 tạ đường kính 50cm cao 95cm .
- 1 khánh đồng nặng 50kg, rộng 1,2m cao 0,8m .
- Tượng Di Lặc - nặng trên 1000 kg đồng .

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đại Việt sử ký toàn thư (bản dịch) Nxb KHXH, Hà Nội 1993
- Khâm định Việt Sử thông giám cương mục (bản dịch) Nxb Giáo dục 1999
- Lịch triều hiến chương loại chí (bản dịch) Nxb KHXH, Hà Nội 1992
- Nam Hà di tích và danh thắng Sở VH TT Nam Hà - 1994
- Tuyển tập nhân vật lịch sử - văn hoá Hà Nam - Nxb Hội Nhà Văn. 2000
- Tuyển tập thơ Hà Nam - Nxb Hội Nhà Văn 2000
- Chùa Đọi Sơn - Sở VH TT Hà Nam - 1998
- Các bài viết trên tạp chí VH TT Nam Hà, Hà Nam, Sông Châu của Trần Quốc Vượng, Mai Khánh, Trần Đăng Ngọc, Hồng Nhung, Lê Công Việt, Trương Minh Tuấn ...
- Các bài viết và dịch bia Chùa Đọi của Phạm Văn Thẩm ... (Viện nghiên cứu Hán nôm), Nguyễn Duy Đô (Hiệp hội CLB UNESCO VN).
- Các thư tịch lưu giữ tại Chùa Long Đọi Sơn - do đại đức Thích Thanh Vũ, Thích Thanh Đạt dịch và cung cấp .
- Các thân phả và truyền thuyết dân gian của các bộ lão và nhân dân Đọi Sơn kể .

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời giới thiệu	5
- Đọi Sơn, một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Trấn Sơn Nam	7
- Sự tích chùa Long Đọi Sơn	11
- Vị trí, địa hình, thế đất chùa Long Đọi Sơn	20
- Sơ đồ ngoại vi Chùa Đọi	23
- Sơ đồ nội vi Chùa Đọi	24
- Niên biểu chùa Long Đọi Sơn	25
- Danh sách các đời sư trụ trì	30
- Thiền sư Đàm Cứu Chỉ	38
- Đại hoà thượng Thích Chiếu Thường	40
- Vua Lý Nhân Tông người mở mang xây dựng chùa tháp Sùng Thiện Diên Linh	44
- Du lịch núi Đọi, lễ hội chùa Đọi	48
- Thơ về Long Đọi Sơn	51
- Bia chùa Đọi - Phiên âm	67
- Nội dung bia chùa Đọi - Dịch nghĩa	86
- Huyền thoại - Núi Đọi	115
- Những cổ vật của Chùa Đọi	124
- Tài liệu tham khảo	125
- Mục lục	126

DANH THẮNG CHÙA ĐỘI

LƯƠNG HIỀN
Sưu tầm và biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN
46 Lò Đúc - Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản : VŨ AN CHƯƠNG

Biên tập : PHẠM NGỌC

Tranh bìa : *Hoạ sĩ* VĂN THỜ

Sửa bản in : LÊ PHƯƠNG

Ảnh : KIM ANH-VŨ DŨNG-LƯƠNG HIỀN
TƯ LIỆU SỞ VH TT